|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

#### CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: **NGÔN NGỮ ANH**

MÃ SỐ: **7 22 02 01**

**PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1. Một số thông tin về chương trình đào tạo**

* Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt:Ngôn ngữ Anh

+ Tiếng Anh: Bachelor of English Language

* Mã số ngành đào tạo: 7 22 02 01
* Trình độ đào tạo: Đại học
* Loại hình đào tạo: Chính quy
* Thời gian đào tạo: 4 năm
* Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Cử nhân Ngôn ngữ Anh

+ Tiếng Việt:Cử nhân Ngôn ngữ Anh

+ Tiếng Anh: Bachelor of English Language

* Đơn vị đào tạo: Khoa Ngoại ngữ, Học viện Quản lý giáo dục

**2. Mục tiêu chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh đào tạo ra những sinh viên tốt nghiệp có đủ kiến thức, kỹ năng, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong và năng lực nghề nghiệp thực hành tương xứng với trình độ được đào tạo, đạt năng lực tiếng Anh tối thiểu cấp độ 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương C1 theo Khung tham chiếu Châu Âu) để có thể đảm nhận các công việc biên dịch, phiên dịch, biên tập, giảng dạy, nghiên cứu, chuyên viên văn phòng cho các tổ chức giáo dục, văn hóa, kinh tế - xã hội, các cơ quan, sở, ban ngành, công ty trong và ngoài nước. Người học có thể tiếp tục học ở trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

**3. Thông tin tuyển sinh**

*3.1. Hình thức tuyển sinh:*

Theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo Đề án tuyển sinh của Học viện Quản lý giáo dục được công bố hàng năm.

*3.2. Đối tượng và điều kiện tuyển sinh:*

Học sinh tốt nghiệp THPT và tương đương trong toàn quốc .

*3.3. Dự kiến quy mô tuyển sinh:*

Theo năng lực của Học viện, khoảng 80 đến 100 chỉ tiêu hằng năm.

**PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1. Chuẩn đầu ra về kiến thức**

* 1. ***Kiến thức chung***
* KT1. Hiểu và vận dụng được các kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn, ngôn ngữ và văn hóa, chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng; pháp luật Việt Nam, quốc phòng - an ninh trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.
* KT2. Vận dụng các kiến thức về công nghệ thông tin; kiến thức cơ bản về quản lí, điều hành; kiến thức về trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội trong các hoạt động thực hành nghề nghiệp, nghiên cứu và học tập.
  1. ***Kiến thức theo lĩnh vực***
* KT3. Nắm vững được kiến thức nền tảng về lĩnh vực để sử dụng trong quá trình giao tiếp và lý giải các hiện tượng ngôn ngữ.

***1.3. Kiến thức của nhóm ngành***

* KT4. Nắm vững được kiến thức nền tảng về ngôn ngữ để sử dụng thông thạo trong quá trình giao tiếp và lý giải các hiện tượng ngôn ngữ.
* KT5. Hiểu và vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn vững chắc và chuyên sâu về các lĩnh vực ngôn ngữ và văn hóa các nước nói tiếng Anh, khoa học liên môn phù hợp với lĩnh vực được đào tạo.
  1. ***Kiến thức ngành***
* KT6. Nắm vững được kiến thức nền tảng về ngôn ngữ Anh để sử dụng thông thạo trong quá trình giao tiếp và lý giải các hiện tượng ngôn ngữ.
* KT7. Phân tích những đặc điểm ngôn ngữ, văn hóa và xã hội của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á và các nước nói tiếng Anh trên thế giới trong tương quan với ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam.
* KT8. Vận dụng được kiến thức đã học để thực hành nghề nghiệp có liên quan đến chuyên ngành một cách trôi chảy (cấp độ 5 theo khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam hoặc tương đương C1 theo khung CEFR) và vận dụng Ngoại ngữ 2 trong các tình huống giao tiếp thông thường (cấp độ 3).
* KT9. Vận dụng được kiến thức ngôn ngữ và văn hóa để đánh giá các văn bản sẽ sử dụng cho mục đích giao tiếp, dịch thuật và tác nghiệp ở môi trường làm việc.
  1. ***Kiến thức thực tập và tốt nghiệp***
* KT10. Vận dụng các kiến thức nền tảng, bao gồm cả kiến thức lý thuyết và kiến thức thực tiễn, của định hướng ngành để thực hành tốt các công việc nghề nghiệp có liên quan.

**2. Chuẩn đầu ra về kĩ năng/năng lực**

***2.1. Kĩ năng chuyên môn***

***+*** *Kỹ năng nghề nghiệp*

* KN1. Vận dụng kỹ năng ngôn ngữ trong công việc đảm nhận (biên-phiên dịch, giảng dạy, chuyên viên đối ngoại, văn phòng) và các công việc có sử dụng tiếng Anh
* KN2. Đạt trình độ tin học cơ bản, IC3, ICDL, MOS hoặc tương đương và ứng dụng được trong hoạt động chuyên môn
* KN3. Đạt được các kỹ năng thế kỉ XXI: làm việc theo nhóm, quản lý và lãnh đạo, tư duy phản biện, sáng tạo, giải quyết vấn đề, khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp.
* KN4. Sử dụng thành thạo kỹ năng ngôn ngữ trong quá trình giao tiếp thực tiễn và tác nghiệp ở môi trường làm việc và nghiên cứu (Tiếng Anh: cấp độ 5/ C1).
* KN5. Đạt được các kỹ năng nghề nghiệp: biên dịch, phiên dịch, giảng dạy tiếng Anh, văn phòng và các công việc có liên quan đến tiếng Anh.

*+ Kỹ năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề*

* KN6. Sử dụng hiệu quả các kỹ năng hợp tác, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, lập kế hoạch, tổ chức và giám sát trong các hoạt động học tập và thực hành nghề nghiệp

*+ Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức*

* KN7. Thực hiện hoạt động nghiên cứu chuyên ngành gắn với bối cảnh, thực tế trên cơ sở vận dụng tổng hợp các kiến thức chung đa lĩnh vực và chuyên ngành biên, phiên dịch

*+ Khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn*

* KN8. Thể hiện tư duy khởi nghiệp, vận dụng kiến thức, kĩ năng để phát triển bản thân, tổ chức và xã hội

*+ Khả năng sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp*

* KN9. Vận dụng năng lực tự học, tự nghiên cứu để có thể tiếp tục theo học các chương trình đào tạo chuyên ngành cao hơn hoặc các chương trình bồi dưỡng chuyên sâu.

***2.2. Kĩ năng bổ trợ***

***+*** *Kỹ năng cá nhân*

* KN10. Khả năng làm việc độc lập, chủ động và kỹ năng quản lý thời gian.

*+ Kỹ năng làm việc nhóm*

* KN11. Khả năng làm việc nhóm, phối hợp, chia sẻ, dám đưa ra sáng kiến và bảo vệ quan điểm của mình.

*+ Kỹ năng quản lý và lãnh đạo*

* KN12. Từng bước hình thành kỹ năng quản lý và lãnh đạo ngay trong các hoạt động nhóm, các dự án, trong nghiên cứu khoa học và hoạt động cộng đồng.

*+ Kỹ năng giao tiếp*

* KN13. Khả năng sử dụng ngôn ngữ ngữ điệu và ngữ khí phù hợp để truyền đạt ý kiến một cách dễ hiểu và lôi cuốn.
* KN14. Biết lắng nghe đồng cảm và tôn trọng người khác. Khả năng giao tiếp phi ngôn ngữ, giải quyết vấn đề và tương tác trong giao tiếp

*+ Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ*

* KN15. Khả năng sử dụng tiếng Anh về ngữ điệu và ngữ khí phù hợp để truyền đạt ý kiến một cách dễ hiểu và lôi cuốn.

**3.** **Chuẩn về phẩm chất đạo đức**

**+** *Phẩm chất đạo đức cá nhân*

* PC1. Thể hiện tư cách đạo đức tốt, lối sống trong sáng, lành mạnh

*+ Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp*

* PC2. Luôn tuân thủ các quy định về sự liêm chính và đạo đức nghề nghiệp;
* PC3. Thể hiện tính chuyên nghiệp, sẵn sàng đảm nhận mọi công việc được giao, có trách nhiệm khi tham gia các hoạt động học tập và thực hành nghề nghiệp

*+ Phẩm chất đạo đức xã hội*

* PC4. Biết yêu thương, tự trọng và trách nhiệm

**4. Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

* NL1. Tự định hướng các hoạt động học tập, nghiên cứu và thực hành nghề  
  nghiệp; đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm một cách logic, khoa học và thuyết phục
* NL2. Chủ động đánh giá chất lượng hoạt động và thiết kế các giải pháp cải  
  thiện hiệu quả các hoạt động học tập và thực hành nghề nghiệp

**5. Vị trí việc làm sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp**

- Phiên dịch viên/ Biên dịch viên

- Phát thanh viên/ biên tập viên báo chí/ truyền hình

- Chuyên viên, Thư ký văn phòng/Trợ lý đối ngoại/Nhân viên kinh doanh, văn phòng/ Hướng dẫn viên du lịch/Điều phối dự án và các công việc khác có liên quan đến tiếng Anh.

- Người học có nhu cầu chuyển sang công tác giảng dạy tiếng Anh sau khi hoàn thành khóa đào tạo nghiệp vụ sư phạm, người học có thể tham gia giảng dạy tiếng Anh tại các trường Đại học, Cao đẳng và THPT.

**6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Người học có thể tiếp tục học các ngành học cao hơn như Thạc sỹ, tiến sỹ Ngôn ngữ và các ngành gần khác.

**PHẦN III: CẤU TRÚC, NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**3.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo**

**Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 138** tín chỉ

*(chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)*

* **Khối kiến thức chung**: 20 tín chỉ
* **Khối kiến thức theo lĩnh vực**: 9 tín chỉ

*+ Bắt buộc: 6 tín chỉ*

*+ Tự chọn: 3 tín chỉ*

* **Khối kiến thức của nhóm ngành**: 9 tín chỉ

*+ Bắt buộc: 6 tín chỉ*

*+ Tự chọn: 3 tín chỉ*

* **Khối kiến thức ngành**: 90 tín chỉ

*+ Bắt buộc: 78 tín chỉ*

*+ Tự chọn: 12 tín chỉ*

* **Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp*:*** 10 tín chỉ

+ Kiến thức thực hành, thực tập: 04 tín chỉ

+ Kiến thức tốt nghiệp: 06 tín chỉ

* *Khóa luận tốt nghiệp: 06 tín chỉ*
* *Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 06 tín chỉ*

**3.2. Chương trình đào tạo\_NNA 110225**

| **Số**  **TT** | **Mã học phần** | **Học phần** | **Số tín chỉ** | **Số giờ tín chỉ** | | | **Mã số HP học trước** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Lý thuyết*** | ***Thực hành*** | ***Tự học*** |
| **I** | **Khối kiến thức chung**  *(không kể GDTC và GDQP-AN)* | | **26** |  |  |  |  |
| 1 | FOS7001 | Triết học Mác-Lênin  *Marxism – Leninism Philosophy* | 3 | 42 | 3 |  |  |
| 2 | FOS7002 | Kinh tế chính trị Mác-Lênin  *Marxism-Leninism Politic Economy* | 2 | 26 | 4 |  | FOS7001 |
| 3 | FOS7003 | Chủ nghĩa xã hội khoa học  *Scientific Socialism* | 2 | 26 | 4 |  | FOS7002 |
| 4 | FOS7004 | Tư tưởng Hồ Chí Minh  *Ho Chi Minh Ideology* | 2 | 26 | 4 |  | FOS7003 |
| 5 | FOS7005 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam  *History of the Communist Party of Vietnam* | 2 | 26 | 4 |  | FOS7004 |
|  |  | Ngoại ngữ cơ bản  *Foreign language*  *(chọn tiếng Pháp hoặc tiếng Trung)* | 6 |  |  |  |  |
| 6 | FLA7005 | Tiếng Pháp 1 | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 7 | FLA7006 | Tiếng Pháp 2 | 3 | 36 | 6 | 3 | FLA7005 |
| 8 | FLA7007 | Tiếng Trung 1 | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 9 | FLA7008 | Tiếng Trung 2 | 3 | 36 | 6 | 3 | FLA7007 |
| 10 | ITC7001 | Tin học cơ sở  *Basic Informatics* | 3 | 33 | 9 | 3 |  |
| 11 | FOS7006 | Giáo dục thể chất  *Physical Education* | 4 | - | - | - |  |
| 12 |  | Giáo dục Quốc phòng và An ninh  *National Defence Education* | 8 | - | - | - |  |
| **II** | **Khối kiến thức theo lĩnh vực** | | **9** |  |  |  |  |
| *II.1* | *Các học phần bắt buộc* | | 6 |  |  |  |  |
| 13 | MAG7001 | Pháp luật đại cương  *Introduction to Law study* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 14 | PSE7001 | Phương pháp nghiên cứu khoa học  *Scientific Methodology* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| II.2 | *Các học phần tự chọn (3/9 TC)*  *(Chọn 1 học phần tương đương 3 tín chỉ)* | | 3 |  |  |  |  |
| 15 | FOS7010 | Lịch sử văn minh thế giới  *History of the World Civilization* | 3 | 39 | 6 | 0 |  |
| 16 | PSE7004 | Xã hội học đại cương  *Introduction to Sociology* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 17 | PSE7002 | Tâm lý học đại cương  *Introduction to Psychology* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| III | **Khối kiến thức của nhóm ngành** | | **9** |  |  |  |  |
| III.1 | *Các học phần bắt buộc* | | 6 |  |  |  |  |
| 18 | FOS7007 | Cơ sở văn hóa Việt Nam  *Vietnam Culture Foundation* | 3 | 36 | 9 | 0 |  |
| 19 | FLA7009 | Ngôn ngữ học đối chiếu  *Comparative Linguistics* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| III.2 | *Các học phần tự chọn (3/6TC)*  *(Chọn 1 học phần tương đương 3 tín chỉ)* | | 3 |  |  |  |  |
| 20 | FOS7009 | Dẫn luận ngôn ngữ  *Linguistic Introduction* | 2 | 20 | 10 | 0 |  |
| 21 | FOS7012 | Tiếng Việt thực hành  *Vietnamese Language Practice* | 3 | 22 | 23 | 0 |  |
| IV | **Khối kiến thức ngành** | | **90** |  |  |  |  |
| IV.1 | *Các học phần bắt buộc* | | **78** |  |  |  |  |
| 22 | FLA7010 | Ngữ âm tiếng Anh  *Phonetics* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 23 | FLA7011 | Ngữ pháp tiếng Anh  *English Grammar* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 24 | FLA7012 | Nghe 1  *Listening 1* | 3 | 30 | 12 | 3 |  |
| 25 | FLA7013 | Nói 1  *Speaking 1* | 3 | 30 | 12 | 3 |  |
| 26 | FLA7014 | Đọc 1  *Reading 1* | 3 | 30 | 12 | 3 |  |
| 27 | FLA7015 | Viết 1  *Writing 1* | 3 | 30 | 12 | 3 |  |
| 28 | FLA7016 | Nghe 2  *Listening 2* | 3 | 30 | 12 | 3 | FLA7012 |
| 29 | FLA7017 | Nói 2  *Speaking 2* | 3 | 30 | 12 | 3 | FLA7013 |
| 30 | FLA7018 | Đọc 2  *Reading 2* | 3 | 30 | 12 | 3 | FLA7014 |
| 31 | FLA7019 | Viết 2  *Writing 2* | 3 | 30 | 12 | 3 | FLA7015 |
| 32 | FLA7020 | Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao  *Advanced English Grammar* | 3 | 36 | 6 | 3 | FLA7011 |
| 33 | FLA7022 | Nghe 3  *Listening 3* | 3 | 30 | 12 | 3 | FLA7016 |
| 34 | FLA7023 | Nói 3  *Speaking 3* | 3 | 30 | 12 | 3 | FLA7017 |
| 35 | FLA7024 | Đọc 3  *Reading 3* | 3 | 30 | 12 | 3 | FLA7018 |
| 36 | FLA7025 | Viết 3  *Writing 3* | 3 | 30 | 12 | 3 | FLA7019 |
| 37 | FLA7026 | Từ vựng học  *Lexicology* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 38 | FLA7027 | Lý thuyết dịch  *Translation and Interpretation Theory* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 39 | FLA7028 | Biên dịch 1  *Translation 1* | 3 | 30 | 12 | 3 | FLA7027 |
| 40 | FLA7029 | Phiên dịch 1  *Interpretation 1* | 3 | 30 | 12 | 3 | FLA7027 |
| 41 | FLA7030 | Nghe 4  *Listening 4* | 3 | 30 | 12 | 3 | FLA7022 |
| 42 | FLA7031 | Nói 4  *Speaking 4* | 3 | 30 | 12 | 3 | FLA7023 |
| 43 | FLA7032 | Đọc 4  *Reading 4* | 3 | 30 | 12 | 3 | FLA7024 |
| 44 | FLA7033 | Viết 4  *Writing 4* | 3 | 30 | 12 | 3 | FLA7025 |
| 45 | FLA7034 | Biên dịch 2  *Translation 2* | 3 | 30 | 12 | 3 | FLA7028 |
| 46 | FLA7035 | Phiên dịch 2  *Interpretation 2* | 3 | 30 | 12 | 3 | FLA7029 |
| 47 | FLA7036 | Đất nước học Anh - Mỹ *Introduction to British and American Studies* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| IV.2 | *Các học phần tự chọn (12/24 TC)*  *(Chọn 4 học phần tương ứng với 12 tín chỉ)* | | **12** |  |  |  |  |
| 48 | FLA7037 | Viết học thuật  *Academic Writing* | 3 | 36 | 6 | 3 | FLA7033 |
| 49 | FLA7038 | Ngữ nghĩa học  *Semantics* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 50 | FLA7039 | Cú pháp học  *Syntax* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 51 | FLA7040 | Ngữ dụng học  *Pragmatics* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 52 | FLA7041 | Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy và học Ngoại ngữ  *Application of ICT in Teaching and Learning Foreign Languages* | 3 | 30 | 12 | 3 |  |
| 53 | FLA7042 | Diễn thuyết trước công chúng *Public Speaking* | 3 | 30 | 12 | 3 |  |
| 54 | FLA7043 | Giao tiếp liên văn hoá  *Cross-cultural Communication* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 55 | FLA7044 | Học tập theo dự án  *Project-based Learning* | 3 | 30 | 12 | 3 |  |
| V | **Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp** | | **10** |  |  |  |  |
| V.1 | FLA7021 | Thực tập  *Internship* | 4 |  |  |  |  |
| V.2 | *Kiến thức tốt nghiệp* | | 6 |  |  |  |  |
| 56 | FLA7045 | Khóa luận tốt nghiệp  *Graduation Thesis* | 6 |  |  |  |  |
| V.3 | *Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp* | | 6 |  |  |  |  |
|  | *Học phần bắt buộc* | |  |  |  |  |  |
| 57 | FLA7046 | Biên - Phiên dịch nâng cao *Advanced Translation-Interpretation* | 3 | 30 | 12 | 3 |  |
|  | *Học phần tự chọn (Chọn 3/6 tín chỉ)* | | 3 |  |  |  |  |
| 58 | FLA7047 | Lý luận và Phương pháp dạy học tiếng Anh  *Theory and Methodology of English Language Teaching* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| 59 | FLA7048 | Kiểm tra, đánh giá trong dạy học tiếng Anh  *Assessment in Teaching and Learning English* | 3 | 36 | 6 | 3 |  |
| **Tổng số** | | | **138** |  |  |  |  |

**3.3. Tóm tắt nội dung học phần**

*1*. ***FOS7001, Triết học Mác – Lê nin (3 tín chỉ)***

Học phần Triết học Mác – Lênin (dành cho hệ không chuyên lý luận chính trị) bao gồm 3 chương nội dung, được thực hiện trong 3 tín chỉ. Trong môn học này, sinh viên sẽ được tìm hiểu các nội dung khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Hệ thống quan điểm triết học Mác – Lênin tập trung vào hai nội dung cơ bản là: thứ nhất, quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; bản chất của nhận thức, thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức; thứ hai là quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử; về nguồn gốc, bản chất giai cấp, đấu tranh giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và con người.

Thông qua việc học tập môn học, sinh viên được hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy trên lập trường duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật; sinh viên biết vận dụng kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành, vào hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động và sáng tạo; đồng thời biết vận dụng những vấn đề lý luận để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

***2. FOS7002, Kinh tế chính trị Mác – Lê nin (2 tín chỉ)***

Học phần Kinh tế chính trị Mác-Lênin là một phần quan trọng trong chương trình giảng dạy về lý luận và thực tiễn của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tập trung vào nghiên cứu các quy luật kinh tế của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa

Học phần đi sâu vào việc tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, từ khởi đầu với sự tích lũy nguyên thủy tư bản cho đến các giai đoạn phát triển cao hơn. Nó cũng phân tích các mâu thuẫn cơ bản của tư bản chủ nghĩa như mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, và cách mà những mâu thuẫn này dẫn đến khủng hoảng kinh tế.

Ngoài ra, học phần còn nghiên cứu về lý luận giá trị thặng dư của Karl Marx, một yếu tố quan trọng để hiểu rõ sự bóc lột lao động trong xã hội tư bản. Giá trị thặng dư là phần giá trị mà người lao động tạo ra vượt quá giá trị lao động của họ và bị nhà tư bản chiếm đoạt. Điều này tạo nên nền tảng cho việc phân tích bản chất bóc lột và động lực phát triển của chủ nghĩa tư bản. Học phần cũng trình bày về các hình thức biểu hiện cụ thể của giá trị thặng dư như lợi nhuận, lợi tức, và địa tô, đồng thời nghiên cứu về quá trình tích lũy tư bản và sự tập trung, tập trung hóa tư bản. Qua đó, sinh viên hiểu rõ hơn về cơ chế hoạt động của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa và những hạn chế, mâu thuẫn nội tại của nó.

Từ những lý luận cả chủ nghĩa Mác – Lênin về kinh tế chính trị, học phần đã đề cập đến kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam để thể hiện sự vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Điều này giúp sinh viên có cái nhìn toàn diện về sự chuyển đổi từ tư bản chủ nghĩa sang xã hội chủ nghĩa theo quan điểm của Mác-Lênin.

***3. FOS7003, Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)***

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học là một phần cốt lõi trong hệ thống lý luận Mác-Lênin, tập trung vào nghiên cứu về sự ra đời, bản chất, và phát triển của chủ nghĩa xã hội cũng như quá trình chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội. Nội dung học phần này bao gồm việc phân tích các tiền đề lịch sử và kinh tế-xã hội dẫn đến sự xuất hiện của chủ nghĩa xã hội, cùng với các đặc điểm cơ bản và mục tiêu của xã hội xã hội chủ nghĩa.

Một trong những nội dung chính là việc nghiên cứu các học thuyết của Karl Marx và Friedrich Engels về sự tất yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Học phần giải thích lý do tại sao chủ nghĩa tư bản không thể tự giải quyết được các mâu thuẫn nội tại của nó và tại sao cách mạng vô sản là cần thiết để thiết lập một xã hội không có sự bóc lột và bất công.

Học phần cũng tập trung vào vai trò của giai cấp công nhân và các lực lượng cách mạng trong việc xây dựng xã hội mới. Nó nghiên cứu về quá trình tổ chức và đấu tranh của giai cấp công nhân, từ việc hình thành các tổ chức chính trị đến việc thiết lập nhà nước chuyên chính vô sản, nhằm đạt được mục tiêu xây dựng một xã hội không còn giai cấp, nơi mà sản xuất được thực hiện vì nhu cầu của toàn xã hội chứ không phải vì lợi nhuận cá nhân.

Bên cạnh đó, học phần còn đề cập đến các vấn đề của chủ nghĩa xã hội như: dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa, vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, phát triển gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Những nội dung này giúp cho sinh viên nắm vững kiến thức về bản chất, mục tiêu, và con đường phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học

***4. FOS7004, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)***

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là một nội dung quan trọng trong chương trình đào tạo, tập trung vào việc nghiên cứu và phân tích hệ thống quan điểm, lý luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam. Nội dung của học phần này bao gồm các khía cạnh chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và đạo đức.

Một trong những nội dung cốt lõi là tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, độc lập dân tộc chỉ có thể đạt được và bảo vệ vững chắc khi kết hợp chặt chẽ với chủ nghĩa xã hội, chỉ có con đường xã hội chủ nghĩa mới có thể giải phóng hoàn toàn nhân dân khỏi ách áp bức, bóc lột, mang lại cuộc sống ấm no, tự do và hạnh phúc.

Học phần cũng tập trung vào quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng là lực lượng lãnh đạo duy nhất của cách mạng, và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, với đội ngũ cán bộ, đảng viên có đạo đức cách mạng, có năng lực và gắn bó mật thiết với nhân dân.

Học phần phân tích những quan điểm của Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Toàn bộ hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm hướng đến mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người và tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thông qua học phần này, sinh viên không chỉ nắm vững các nội dung tư tưởng của Hồ Chí Minh mà còn hiểu rõ hơn về con đường phát triển của cách mạng Việt Nam, từ đó vận dụng sáng tạo vào thực tiễn công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

***5. FOS7005, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)***

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cái nhìn tổng thể về quá trình hình thành, phát triển và vai trò lãnh đạo của Đảng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Nội dung học phần này bao gồm việc nghiên cứu khái quát các giai đoạn lịch sử của Đảng, từ khi thành lập đến đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, cùng với các sự kiện, chính sách, và phong trào cách mạng quan trọng.

Nội dung học phần trang bị cho người học hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử của Đảng và những kiến thức cơ bản cốt lõi; hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 -1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh dành chính quyền (1930 -1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước (1945 -1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới(1975 -2018). Trong mỗi giai đoạn lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta đều tổng kết những thành tựu đã đạt được, những hạn chế cần khắc phục, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm. Qua học phần này, sinh viên sẽ hiểu rõ hơn về vai trò lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam, những bài học kinh nghiệm và sự cần thiết của việc củng cố, phát triển Đảng trong giai đoạn hiện nay và tương lai.

Học phần đặc biệt nhấn mạnh công tác xây dựng Đảng, phát triển tổ chức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong các giai đoạn lịch sử khác nhau. Những nội dung này đã giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

***6. FLA7005, Tiếng Pháp 1 (3 tín chỉ)***

Học phần tiếng Pháp 1 sử dụng Giáo trình Le Nouveau Taxi 1 của Guy Capelle, nhà xuất bản Hachette (2009). Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Pháp cơ bản về ngữ pháp, giao tiếp thông dụng thông qua các bài hội thoại, các bài tập cấu trúc ngữ pháp, từ vựng để có thể diễn đạt 1 số chủ đề về giao tiếp hàng ngày trong cuộc sống như công việc, gia đình, sở thích. Sinh viên có thể giới thiệu về bản thân, mô tả về công việc hàng ngày thông qua một số tình huống giao tiếp thông thường; giới thiệu một số hoạt động liên quan đến công việc, mua sắm, giải trí, một số nét đặc trưng của nền văn hóa Pháp.

***7. FLA7006, Tiếng Pháp 2 (3 tín chỉ)***

Học phần Tiếng Pháp 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng pháp cơ bản về ngữ pháp, giao tiếp thông dụng thông qua các bài hội thoại, các bài tập cấu trúc ngữ pháp, từ vựng để có thể diễn đạt 1 số chủ đề về giao tiếp hàng ngày trong cuộc sống như công việc, gia đình, sở thích, tường thuật các sự kiện trong quá khứ, diễn đạt dự định nghề nghiệp tương lai, đưa giả thuyết, điều kiện. Sinh viên có thể giới thiệu về bản thân mình, mô tả về công việc hàng ngày thông qua 1 số tình huống giao tiếp thông thường; giới thiệu 1 số hoạt động liên quan đến công việc, mua sắm, giải trí, 1 số nét đặc trưng của nền văn hóa Pháp, chủ đề về nghề nghiệp như tuyển dụng, thư tín văn phòng/thương mại, hợp đồng lao động.

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể hiểu được các bài đọc với những chủ đề đa dạng về học tập và sinh hoạt hàng ngày; có thể nêu ra ý kiến cá nhân về một vấn đề cụ thể, có thể diễn đạt được ý nghĩ của bản thân dưới dạng nói và viết theo những chủ điểm đã học.

***8. FLA7007, Tiếng Trung 1 (3 tín chỉ)***

Học phần Tiếng Trung 1 sử dụng Giáo trình Hán ngữ của Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh. Học phần này sẽ cung cấp và hình thành cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung đầu tiên như hệ thống phiên âm trong tiếng Hán, chữ Hán, nắm được toàn bộ hệ thống phát âm trong tiếng Trung; quy tắc viết chữ Hán cũng như các nét cơ bản và một số bộ thủ căn bản trong tiếng Hán; nắm được một lượng từ vựng tương đối và các cấu trúc ngữ pháp cơ bản. … Học phần này có vai trò nền tảng cho việc học tiếng Trung của sinh viên sau này. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngữ âm tiếng Trung Quốc gồm: cách phát âm, cách đọc, cách viết phiên âm.

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể đọc hiểu được các bài khóa ngắn với những chủ đề quen thuộc, có thể tiến hành giao tiếp với các chủ đề như chào hỏi, hỏi thăm, giới thiệu nội dung cơ bản về bản thân và về người khác, mua bán mặc cả ở mức độ đơn giản.

***9. FLA7008, Tiếng Trung 2 (3 tín chỉ)***

Học phần này giúp sinh viên nắm được lượng từ vựng tương đối về những chủ điểm sinh hoạt, văn hóa xã hội thông dụng; nắm được các kiến thức ngữ pháp cơ bản về các cụm từ tổ, các mẫu câu đặc biệt. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể đọc hiểu được các bài đọc với những chủ đề tương đối đa dạng về học tập, sinh hoạt; có thể diễn đạt được ý nghĩ của mình dưới dạng nói và viết theo những chủ điểm đã học; có thể vận dụng những kiến thức đã học vào các hoạt động giao tiếp thực tiễn hàng ngày.

So với học phần trược, học phần Tiếng Trung 2 bổ sung thêm bài đọc hiểu, lượng từ vựng cung cấp cho mỗi bài phong phú hơn, bài khóa đề cập đến chủ đề tương đối khó, các hiện tượng ngữ pháp xuất hiện từ dễ đến khó. Ngoài ra, người học được trang bị thêm một số kiến thức văn hóa trong phần chú giải. Phần bài tập tăng thêm nội dung bổ trợ cho phần ngữ pháp và luyện tập giao tiếp.

***10. ITC7001, Tin học cơ sở (3 tín chỉ)***

Học phần Tin học cơ sở gồm 6 chương với các nội dung: Các kiến thức cơ bản liên quan đến thông tin, máy tính điện tử và Công nghệ thông tin; Các khái niệm cơ bản về hệ điều hành và cách sử dụng hệ điều hành; Phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word; Phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel; Phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint; Các kiến thức cơ bản về mạng máy tính, Internet, bản quyền và pháp luật.

Học phần này giúp cho sinh viên có thể biến đổi số giữa các hệ đếm, sử dụng các thao tác cơ bản của hệ điều hành XP, thành thạo trong soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, tạo các bảng tính bằng Microsoft Excel, tạo các bài báo cáo, trình diễn bằng Microsoft PowerPoint. Bên cạnh đó, học phần này giúp cho sinh viên có thể sử dụng dịch vụ thư điện tử và dịch vụ tìm kiếm phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và công việc sau này.

Từ những kiến thức đã học trong học phần, sinh viên sẽ dần hình thành ý thức ứng dụng CNTT vào học tập, nghiên cứu và luôn có ý thức chấp hành quy định, pháp luật về bản quyền.

***11. MAG7001, Pháp luật đại cương (3 tín chỉ)***

Học phần Pháp luật đại cương gồm 6 chương nghiên cứu những nội dung cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật như: Nguồn gốc, bản chất, hình thức của nhà nước và pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý; Quy phạm pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật; Luật dân sự và luật tố tụng dân sự, luật hình sự và luật tố tụng hình sự; luật lao động; Luật hành chính, luật tố tụng hành chính và luật phòng chống tham nhũng. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật làm nền tảng cho việc sinh viên sống, học tập và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

***12. PSE7001, Phương pháp nghiên cứu khoa học ( 3 tín chỉ)***

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học, hoạt động khoa học và công nghệ, nghiên cứu khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học, xây dựng luận điểm khoa học, vai trò của luận điểm khoa học trong nghiên cứu khoa học, trình tự xây dựng luận điểm khoa học, giả thuyết khoa học, chứng minh luận điểm khoa học, các phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu khoa học (như nghiên cứu tài liệu, phương pháp phi thực nghiệm, phương pháp thực nghiệm, ph­ương pháp trắc nghiệm, hội nghị khoa học, xử lý thông tin khoa học, phân tích kết quả nghiên cứu...), trình bày luận điểm khoa học, luận văn khoa học. Hình thành kỹ năng thao tác nghiên cứu khoa học, biết xây dựng luận điểm khoa học, chứng minh luận điểm khoa học và trình bày luận điểm khoa học, viết tài liệu khoa học, thuyết trình khoa học. Hình thành đạo đức khoa học trong sinh viên.

***13. FOS7010, Lịch sử văn minh thế giới (3 tín chỉ)***

Học phần *Lịch sử văn minh thế giới* cung cấp các kiến thức khái quát về quá trình phát triển của văn minh nhân loại từ thời cổ đại đến hiện đại. Cụ thể gồm 8 chương với các nội dung chính: cơ sở hình thành, các thành tựu và ý nghĩa của các nền văn minh tiêu biểu trên thế giới gồm: nền văn minh Ai Cập, nền văn minh Lưỡng Hà, nền văn minh Ả Rập, nền văn minh Ấn Độ, nền văn minh Trung Quốc, nền văn minh Hy Lạp cổ đại, nền văn minh Tây Âu thời Trung đại, nền văn minh thế giới thế kỷ XX… những đóng góp của chúng trong hành trình phát triển của nhân loại. Từ đó giúp người học có được các kiến thức cơ bản về lịch sử văn minh của nhân loại và cái nhìn biện chứng, khách quan đối với những vấn đề thuộc phạm trù này. Học phần còn tập trung thảo luận một số chủ đề liên quan nhằm rèn luyện các kỹ năng nhận diện xu hướng, phân tích các thành tựu văn minh của từng thời kỳ lịch sử, đánh giá ý nghĩa của chúng đố với con người hiện nay. Đồng thời ngừoi học cũng được thực hành kỹ năng phân tích tài liệu, kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm. Đây là những kỹ năng mềm cần thiết để tiếp tục học tập các học phần tiếp theo trong chương trình đào tạo.

***14. PSE7004 , Xã hội học đại cương ( 3 tín chỉ)***

Học phần xã hội học đại cương giới thiệu khái quát lịch sử hình thành, phát triển của khoa học xã hội học, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, phương pháp điều tra xã hội học và một số lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học như: xã hội hóa, cơ cấu xã hội, văn hóa xã hội… và một số các phân ngành xã hội học chuyên biệt như: xã hội học giáo dục, xã hội học nông thôn - đô thị, xã hội.

***15. PSE7002 , Tâm lý học đại cương (3 tín chỉ)***

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên có kiến thức hiểu biết tổng quan, cơ bản, nền tảng về tâm lý người. Sinh viên có những kiến thức nền tảng về sự hình thành và phát triển tâm lý người, các hiện tượng tâm lý người. Học phần gồm 5 phần chính. Thứ nhất, một số vấn đề chung về tâm lý học: phần này tập trung nghiên cứu sự ra đời của khoa học tâm lý, bản chất, chức năng của tâm lý người, phân loại các hiện tượng tâm lý cũng như các phương pháp nghiên cứu. Thứ hai, nghiên cứu sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức, nhân cách. Thứ ba, nghiên cứu về hoạt động nhận thức. Thứ tư, nghiên cứu đời sống tình cảm của con người. Thứ năm, nghiên cứu hành động ý chí của con người.

***16. FOS7007, Cơ sở văn hoá Việt Nam ( 3 tín chỉ)***

Học phần cung cấp những kiến thức cơ sở về văn hoá Việt Nam bao gồm:khái niệm văn hoá và một số khái niệm liên quan, nguồn gốc văn hoá Việt Nam xét từ đặc điểm môi trường tự nhiên và đặc điểm văn hoá- xã hội, quá trình lịch sử thành tạo nên các lớp trong văn hoá Việt Nam, những giá trị và đặc điểm của văn hoá cổ truyền thông qua các thành tố văn hoá trong cái nhìn cấu trúc - loại hình như văn hoá tổ chức đời sống tập thể, đời sống cá nhân, văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên, xã hội, văn hoá nghệ thuật…nhằm giúp người học có được những hiểu biết cơ bản, khái quát về văn hoá Việt Nam trong tính đa dạng và thống nhất, hiểu rõ bản sắc văn hoá, đặc điểm của các hiện tượng văn hoá truyền thống trong đời sống đương đại, có thái độ tôn trọng và có khả năng giữ gìn, phát huy các giá trị văn hoá cổ truyền dân tộc, có trách nhiệm trong việc tiếp thu giá trị văn hoá nhân loại để làm giàu đẹp hơn văn hoá dân tộc mình

Bên cạnh việc hình thành và rèn luyện các kỹ năng nhận diện, phân tích và giải quyết vấn đề liên quan đến các giá trị văn hoá truyền thống trong quá trình học tập, học phần còn góp phần rèn luyện các kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, thảo luận nhóm, góp phần phát triển năng lực chung cho người học.

***17. FLA7009, Ngôn ngữ học đối chiếu (3 tín chỉ)***

Học phần Ngôn ngữ học đối chiếu cung cấp cho sinh viên một số phương pháp và kỹ thuật dùng để so sánh hai ngôn ngữ Anh và Việt mà còn đưa ra những vấn đề phát sinh trong quá trình giao lưu văn hóa Đông –Tây. Ngoài ra, học phần còn đưa ra cách giải quyết những lỗi sai mà người học tiếng Anh hay mắc phải thông qua việc giải thích các điểm giống và khác nhau của các cấu trúc ngôn ngữ. Kết thúc học phần, người học có thể so sánh một cách có hệ thống các dữ liệu của hai hay nhiều ngôn ngữ khác nhau, nhận thấy được quy luật ngôn ngữ, miêu tả ngôn ngữ trên tinh thần phản biện, sử dụng lý thuyết để nhận xét sự tương quan của các ngôn ngữ và đánh giá độ khó của các tài liệu giảng dạy so với trình độ người học.

***18. FOS7009, Dẫn luận ngôn ngữ (3 tín chỉ)***

Học phần này cung cấp cho người học kiến thức về bản chất, chức năng, nguồn gốc, sự phát triển của ngôn ngữ đồng thời, cung cấp kiến thức về từng cấp độ nghiên cứu ngôn ngữ thuộc các bình diện ngữ pháp, bình diện nghĩa, bình diện sử dụng của ngôn ngữ bao gồm: ngữ âm, hình thái, cú pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng… ; các kiến thức về văn tự, về sự phân loại các ngôn ngữ trên thế giới và khái quát toàn cảnh các ngôn ngữ. Bên cạnh đó, hoạt động thảo luận sẽ giúp ngừoi học hiểu hơn những đặc điểm bản thể của ngôn ngữ, hệ thống bài tập thực hành tập trung rèn luyện một số thao tác, kỹ năng nghiên cứu ngôn ngữ đơn giản như phân tích hệ thống cấu trúc của ngôn ngữ, tín hiệu ngôn ngữ, nhận diện và miêu tả các đơn vị ngữ pháp, xây dựng và phân tích cấu trúc nghĩa, hội thoại, phân tích ngữ âm học, miêu tả ngữ âm học và phân xuất âm vị …làm nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu ngôn ngữ ở các môn học tiếp theo trong chương trình.

Học phần cũng hướng đến nhiệm vụ định hướng cho ngừoi học thái độ và hành vi sử dụng ngôn ngữ sao cho tích cực, hiệu quả, có cái nhìn khách quan đối với các ngôn ngữ của dân tộc cũng như các ngôn ngữ trên thế giới.

***19. FOS7012, Tiếng Việt thực hành (3 tín chỉ)***

Học phần Tiếng Việt thực hành là học phần thực hành kỹ năng sử dụng tiếng Việt ở cấp độ văn bản bao gồm những kiến thức chung về giao tiếp bằng văn bản như: Đặc trưng và chức năng của văn bản, kỹ năng định hướng giao tiếp cho văn bản, phân biệt các phong cách và kiểu văn bản, tiếp nhận văn bản, tạo lập văn bản ở từng cấp dộ: dùng từ, đặt câu, viết đoạn trong văn bản… thông qua quá trình từ nhận diện thực tế đến khái quát hoá thành thao tác và thực hành tổng hợp, sáng tạo. Các kỹ năng cơ bản nêu trên không tách rời nhau mà có mối quan hệ biện chứng, phối hợp chặt chẽ với nhau. Để thuần thục từng kỹ năng, sinh viên cần nắm vững những thao tác cụ thể như: hiểu đối tượng thực hành, phân biệt được những đặc trưng và thao tác thực hành, nắm được các bước (kỹ thuật) thực hành, các thao tác chính trong quá trình thực hành. Bài tập thực hành hoàn chỉnh phải thể hiện bằng các sản phẩm đạt yêu cầu. Hình thức thực hành chủ yếu là làm bài tập, thảo luận nhóm.

Học phần cũng hướng đến định hướng ý thức và trách nhiệm đối với việc sử dụng ngôn ngữ hiệu quả, biết bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt đồng thời biết cách học tập các ngôn ngữ khác để làm giàu đẹp hơn tiếng Việt.

***20. FLA7010, Ngữ âm Tiếng Anh (3 tín chỉ)***

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức phát âm tiếng Anh và kỹ năng thực hành phát âm theo từ, theo câu giúp cho việc giao tiếp Tiếng Anh thêm trôi chảy và chính xác. Trong học phần này, sinh viên được được hướng dẫn cách phát âm 44 nguyên âm và phụ âm theo bảng APA. Ngoài ra, sinh viên còn được hướng dẫn nhấn trọng âm từ, nhấn trọng âm câu, luyện ngữ điệu lên xuống khi nói.

Trong học phần này, sau khi học lý thuyết trên lớp, sinh viên sẽ được yêu cầu tham gia vào các hoạt động như thảo luận nhóm, thuyết trình để thực hành phát âm và cải thiện kỹ năng giao tiếp tiếng Anh thông qua các cuộc hội thoại thực tế.

Nội dung học phần bao gồm 50 bài được chia thành hai phần: phần A giới thiệu các nguyên âm, phần B giới thiệu các phụ âm. Trong mỗi bài, người học có thể học các âm tiếng Anh qua các đoạn hội thoại và thực hành đọc các đoạn hội thoại. Hơn nữa, hệ thống các bài tập giúp người học tự thực hành thêm ở nhà. Trọng âm và ngữ điệu và âm tiết đóng vai trò quan trọng cho giao tiếp thành công bằng tiếng Anh. Vì vậy, các khía cạnh này cũng sẽ được giới thiệu và thực hành trong học phần này.

***21. FLA7011, Ngữ pháp tiếng Anh (3 tín chỉ)***

Học phần Ngữ pháp tiếng Anh cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bảnvề các loại danh từ, đại từ sở hữu, đại từ chỉ định, mạo từ, định lượng, đại từ không xác định, các thì cơ bản trong tiếng Anh, động từ khuyết thiếu, câu điều kiện, các thuật ngữ cơ bản, cụm từ quen thuộc được lồng ghép với các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong bài học sẽ giúp các em có thể tiếp thu được các kiến thức cơ bản về các lĩnh vực khác nhau và đồng thời có thể củng cố lại các điểm ngữ pháp trong bài học. Sinh viên được làm quen với các chủ đề ngữ pháp đa dạng với các bài tập thực hành phong phú bám sát theo từng chủ đề bài học.

Trong học phần này, sinh viên thực hành các bài tập ngữ pháp cơ bản trong tài liệu liên quan đến các chủ đề ngữ pháp phong phú. Sinh viên sẽ tham gia vào các hoạt động như thảo luận nhóm, cặp để thực hành và cải thiện kỹ năng ứng dụng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh.

Mục tiêu của học phần là giúp sinh viên phát triển khả năng sử dụng ngữ pháp tiếng Anh cơ bản một cách hiệu quả trong ngữ cảnh khác nhau, đặc biệt là kĩ năng đọc, phân tích, phán đoán, hoàn thành câu và đoạn, phân biệt đươc các lỗi sai cơ bản trong ứng dụng ngữ pháp vào thực hành, khuyến khích sinh viên phát triển kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh thông qua các bài tập thực hành đa dạng và áp dụng kiến thức ngữ pháp cơ bản vào thực tế bài học.

***22. FLA7012, Nghe 1 (3 tín chỉ)***

Học phần Nghe 1 là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Cử nhân Ngôn ngữ Anh sử dụng giáo trình *Skills For Success -Listening and Speaking Intro (3rd edition*), Oxford University Press, (2020). Học phần này cung cấp kiến thức và kỹ năng Nghe tiếng Anh ở trình độ A1-A2 nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan trong cuộc sống hằng ngày như: miêu tả về sở thích, trường học, nhà cửa, thực phẩm, công nghệ, đưa ra ý kiến, bàn về kỳ nghỉ hè… mỗi chủ đề được thể hiện qua các bài học bao gồm các dạng bài tập chính như: trước khi nghe, trong khi nghe và sau khi nghe. Các bài tập được thiết kế dưới dạng trắc nghiệm chọn nhiều đáp án, hay True-False, điền vào chỗ trống, sắp xếp tranh ảnh hay đoạn hội thoại… Ngoài các loại bài tập cơ bản trên, học phần này còn có các bài tập phần mở rộng thêm về phát âm, ôn tập một số mẫu câu cơ bản nhằm giúp sinh viên nghe hiểu và vận dụng vào giao tiếp dễ dàng hơn.

***23. FLA7013, Nói 1 (3 tín chỉ)***

Học phần Nói 1 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Cử nhân Ngôn ngữ Anh. Học phần Nói 1 sử dụng giáo trình *Skill for success introduction- Listening & Speaking* của Kelvin McClure và Mari Vargo , nhà xuất bản Đại học Oxford (2020), mỗi bài kĩ năng Nói gồm các mục tiêu lớn đi kèm với 3 phần chính (Ngữ pháp – Phát âm – Kĩ năng Nói).

Trong học phần này, sinh viên sẽ được củng cố và cải thiện kỹ năng Nói từ xây dựng cấu trúc, áp dụng cấu trúc, xây dựng ý tưởng, sắp xếp ý tưởng để thuyết trình hoặc phỏng vấn, điều tra, tự kiểm tra và đánh giá bài nói theo nhóm và cá nhân. Những kỹ năng này không chỉ hữu ích trong học tập mà còn trong giao tiếp hàng ngày và công việc sau này.

Nội dung của học phần bao gồm cả (1) kiến thức về kỹ năng Nói (2) từ vựng về các chủ đề như văn hoá, khoa học.. và (3) kiến thức về cấu trúc ngữ pháp, từ vựng,...được áp dụng trong các bài tập thực hành. Các chủ đề như khoa học, công nghệ, xã hội, tâm lý, kinh doanh, marketing...được lồng ghép trong các bài sẽ giúp sinh viên không những mở rộng kiến thức, từ vựng về những lĩnh vực khác nhau mà còn có thể thực hành, củng cố các kỹ năng ngôn ngữ.

***24. FLA7014, Đọc 1 (3 tín chỉ)***

Học phần Đọc 1 cung cấp cho sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Anh kiến thức và kỹ năng cải thiện từ vựng tiếng Anh trong đọc hiểu khám phá lĩnh vực khoa học tự nhiên, xã hội, môi trường sống tự nhiên đặc biệt là phát triển và cải thiện kỹ năng tư duy đọc hiểu qua các ngữ cảnh khác nhau. Sinh viên được làm quen với các chủ đề về động vật, du lịch, âm nhạc, cuộc sống thành phố v.v.

Trong học phần này, sinh viên được yêu cầu đọc hiểu, ghi nhớ, vận dụng và làm các bài tập luyện tập thực hành liên quan đến khám phá thế giới xung quanh ta, dựa vào trích đoạn hoặc bản đầy đủ của bài đọc hiểu về các chủ đề thú vị. Sinh viên sẽ rèn luyện được các kỹ năng đọc lướt, đọc tìm ý chính, ghi nhớ từ vựng qua ngữ cảnh, tham gia vào các hoạt động như thảo luận nhóm để thực hành.

Thông qua nhiều chủ đề và ngữ cảnh đa dạng. Sinh viên có thể học về các thuật ngữ, cụm từ, và từ vựng cơ bản được sử dụng tự nhiên, được lồng ghép với các hiện tượng ngữ pháp trong bài đọc sẽ giúp sinh viên có thể tiếp thu được các kiến thức về lĩnh vực khoa học tự nhiên, xã hội vừa có thể cũng cố lại các điểm ngữ pháp, và làm quen với các điểm ngữ pháp mới trong bài đọc.

Mục tiêu của học phần là giúp sinh viên ghi nhớ, phát triển khả năng sử dụng linh hoạt từ vựng cơ bản tiếng Anh hiệu quả trong câu, đoan ở kỹ năng Đọc. Đồng thời, khuyến khích sinh viên phát triển kỹ năng Nghe, Nói, Viết tiếng Anh thông qua các hoạt động thực hành và áp dụng kiến thức vào thực tế xã hội

***25. FLA7015, Viết 1 (3 tín chỉ)***

Nội dung của học phần bao gồm kiến thức về cấu trúc câu, các kiểu câu (câu đơn, câu ghép, câu phức), cấu trúc cơ bản của đoạn văn, các điểm ngữ pháp cơ bản như đại từ nhân xưng, tân ngữ, tính từ sở hữu, thì hiện tại đơn, thì quá khứ đơn, thì tương lại đơn, mệnh đề quan hệ, mệnh đề chỉ lý do, mệnh đề If, v.v. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng phong phú, cách viết câu chính xác và linh hoạt, và nhiều bài tập thực hành viết câu, viết đoạn.

Trong học phần này, sinh viên được yêu cầu đọc và phân tích các bài viết mẫu, ôn tập củng cố các điểm ngữ pháp cơ bản, làm các bài tập thực hành từ vựng, xây dựng câu, và áp dụng những gì học được thông qua các yêu cầu viết cụ thể. Sinh viên sẽ tham gia vào các hoạt động như làm việc theo cặp, theo nhóm để tìm ý tưởng cho bài viết, chỉnh sửa bài viết. Sinh viên sẽ được khuyến khích làm portfolio bài viết, qua đó có thể biết được mức độ tiến bộ của sinh viên trong kỹ năng viết. Ngoài ra, sinh viên có thể được tham gia vào các trò chơi để củng cố kiến thức đã học.

Mục tiêu của học phần là giúp sinh viên hiểu được khái niệm cơ bản về câu, đoạn, nắm được một lượng từ vựng nhất định, viết tốt các câu ở trình độ tiền trung cấp, và viết đoạn văn về các chủ đề quen thuộc sử dụng các kiến thức được học.

***26. FLA7016, Nghe 2 (3 tín chỉ)***

Học phần Nghe 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần này giúp người học phát triển các khối kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng Nghe khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp.

Mô hình bài học thực tế và nghe thực hành các hoạt động giao tiếp hàng ngày sẽ trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thế giới thực. Các bài học về phương pháp ghi chép tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên hiểu được cách ghi chú khi nghe tốt hơn. Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần trọng tâm ngôn ngữ của từng bài như công việc, hướng nghiệp, xã hội học, tư duy nhận thức, sinh lý học, tâm lý học, kinh doanh, marketing v.v.

***27. FLA7017, Nói 2 (3 tín chỉ)***

Học phần Nói 2 là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Cử nhân Ngôn ngữ Anh. Nói 2 sử dụng giáo trình *Skill for success 1- Listening & Speaking* của Kelvin McClure và Mari Vargo , nhà xuất bản Đại học Oxford (2020), mỗi bài kĩ năng Nói gồm các mục tiêu lớn đi kèm với 3 phần chính (Ngữ pháp – Phát âm – Kĩ năng Nói).

Trong học phần này, sinh viên sẽ được củng cố và cải thiện kỹ năng Nói từ xây dựng cấu trúc, áp dụng cấu trúc, xây dựng ý tưởng, sắp xếp ý tưởng để thuyết trình hoặc phỏng vấn, điều tra, tự kiểm tra và đánh giá bài nói theo nhóm và cá nhân. Những kỹ năng này không chỉ hữu ích trong học tập mà còn trong giao tiếp hàng ngày và công việc sau này.

Nội dung của học phần bao gồm cả (1) kiến thức về kỹ năng Nói (2) từ vựng về các chủ đề như văn hoá, khoa học.. và (3) kiến thức về cấu trúc ngữ pháp, từ vựng,...được áp dụng trong các bài tập thực hành. Các chủ đề như khoa học, công nghệ, xã hội, tâm lý, kinh doanh, marketing v.v. được lồng ghép trong các bài nghe sẽ giúp sinh viên không những mở rộng kiến thức, từ vựng về những lĩnh vực khác nhau mà còn có thể thực hành, củng cố các kỹ năng ngôn ngữ.

***28. FLA7018, Đọc 2 (3 tín chỉ)***

Học phần Đọc 2 cung cấp cho sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Anh kiến thức và kỹ năng cải thiện từ vựng tiếng Anh và phương pháp trong đọc hiểu với các chủ đề khoa học tự nhiên, xã hội, môi trường sống tự nhiên, thức ăn, sức khỏe, thế giới tự nhiên đặc biệt là phát triển và cải thiện kỹ năng tư duy dọc hiểu qua các ngữ cảnh khác nhau.

Trong học phần này, sinh được yêu cầu đọc hiểu, ghi nhớ, vận dụng và làm các bài tập luyện tập thực hành dựa vào trích đoạn hoặc bản đầy đủ của bài đọc hiểu về các chủ đề thú vị. Sinh viên sẽ rèn luyện dược các kỹ năng đọc lướt, đọc tìm ý chính, đoán và ghi nhớ từ vựng qua ngữ cảnh, tham gia vào các hoạt động như thảo luận nhóm để thực hành và cải thiện kỹ năng Đọc hiểu tiếng Anh.

Sinh viên có thể học về các thuật ngữ, cụm từ, cách kết hợp từ và các tiền tố, hậu tố để cấu tạo nên các từ. Ngoài ra , việc lồng ghép với các hiện tượng ngữ pháp trong bài đọc sẽ giúp sinh viên có thể tiếp thu được các kiến thức về lĩnh vực khoa học tự nhiên, xã hội vừa có thể cũng cố lại các điểm ngữ pháp trong câu,và làm quen với các điểm ngữ pháp mới trong bài đọc.

Mục tiêu của học phần là giúp sinh viên làm quen và luyện tập các kỹ năng đọc hiểu cơ bản, phát triển khả năng sử dụng linh hoạt từ vựng tiếng Anh hiệu quả trong câu, đoạn. Đồng thời, khuyến khích sinh viên phát triển kỹ năng Nghe, Nói, Viết tiếng Anh thông qua các hoạt động thực hành và áp dụng kiến thức vào thực tế xã hội.

***29. FLA7019, Viết 2 (3 tín chỉ)***

Nội dung của học phần bao gồm kiến thức sâu về viết đoạn văn, cụ thể khái niệm đoạn văn, đặc điểm của một đoạn văn tốt, cách tìm ý cho bài viết, cách viết tiêu đề đoạn văn, câu chủ đề, câu kết luận, cách phát triển ý cho đoạn văn, cách liên kết ý trong đoạn. Học phần tiếp tục củng cố kiến thức về các kiểu câu (câu đơn, câu ghép, câu phức), cung cấp thêm các lỗi cơ bản thường gặp trong viết câu như câu viết chưa hoàn chỉnh (fragments), câu thiếu/ sai dấu câu (Run-ons, Comma Splices), sự phù hợp chủ ngữ-vị ngữ trong câu. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp nhiều bài tập thực hành để sinh viên củng cố từ vựng ở trình độ trung cấp và viết câu đa dạng và chính xác.

Trong học phần này, sinh viên được yêu cầu đọc và phân tích các đoạn văn mẫu để nắm được cấu trúc của đoạn văn, thực hành viết tiêu đề đoạn văn, câu chủ đề, các câu hỗ trợ, câu kết luận. Sinh viên sẽ tham gia làm việc nhóm để tìm ý cho bài viết, thực hành viết đoạn văn hoàn chỉnh, chỉnh sửa lỗi trong bài viết của bản thân cũng như bạn trong nhóm. Sinh viên sẽ được khuyến khích làm portfolio bài viết, qua đó có thể biết được mức độ tiến bộ của sinh viên trong kỹ năng viết.

Mục tiêu của học phần là giúp sinh viên viết được một đoạn văn hoàn chỉnh, đầy đủ tiêu đề, câu chủ đề, các câu hỗ trợ và câu kết luận, chính xác về ngữ pháp và cách dùng từ, đảm bảo yếu tố liên kết trong đoạn

***30. FLA7020, Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao (3 tín chỉ).***

Học phần Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao cung cấp cho sinh viên kiến thức nâng cao về các loại thì, tính từ, trạng từ, so sánh, đại từ phản thân, sở hữu, chức năng của động từ khuyết thiếu, câu hỏi, câu hỏi láy, nguyên thể, danh động từ, câu bị động, câu điều kiện, câu mong ước v.v. Sinh viên được làm quen với các chủ đề ngữ pháp đa dạng với các bài tập thực hành phong phú theo từng chủ đề bài học.

Sinh viên sẽ tham gia vào các hoạt động, như thảo luận nhóm, làm việc theo cặp, thuyết trình để thực hành và cải thiện kỹ năng ứng dụng ngữ pháp nâng cao trong tiếng Anh.

Sinh viên được học về các thuật ngữ, cụm từ được lồng ghép với các hiện tượng ngữ pháp nâng cao trong bài học sẽ giúp các em có thể tiếp thu được các kiến thức đa dạng về lĩnh vực khác nhau dễ hơn và có thể cũng cố lại các điểm ngữ pháp khác biệt trong bài học.

Mục tiêu của học phần là giúp sinh viên phát triển khả năng sử dụng ngữ pháp tiếng Anh một cách chuyên sâu và hiệu quả hơn trong ngữ cảnh khác nhau, đặc biệt là kĩ năng đọc, phân tích, phán đoán, hoàn thành câu, đoạn với cách vận dụng đúng ngữ pháp, phân biệt đươc các lỗi sai cơ bản trong ứng dụng ngữ pháp vào thực hành . Đồng thời, khuyến khích sinh viên phát triển kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh thông qua các bài tập thực hành đa dạng và áp dụng kiến thức ngữ pháp nâng cao vào thực tế bài học*.*

***31. FLA7022, Nghe 3 (3 tín chỉ)***

Học phần Nghe 3 cung cấp cho sinh viên kiến thức Nghe hiểu và kỹ năng liên quan như kỹ năng Nghe – hiểu trả lời câu hỏi, kỹ năng ghi chép, nhận biết từ khóa, sử dụng các yếu tố trực quan, kỹ năng sử dụng ký hiệu và viết tắt, kỹ năng xây dựng dàn bài, kỹ năng xem xét và chỉnh sửa ghi chú, kỹ năng sử dụng ghi chú để viết tóm tắt và kỹ năng phát triển tư duy phản biện.

Trong học phần này, sinh viên sẽ được củng cố và cải thiện kỹ năng nghe thông qua các bài tập thực hành nắm bắt ý chính, dự đoán nội dung, tìm kiếm thông tin cụ thể, đến nhận biết thái độ người nói qua giọng điệu, từ ngữ và ngữ cảnh, giúp họ hiểu được cảm xúc và quan điểm của người nói. Những kỹ năng này không chỉ hữu ích trong học tập mà còn trong giao tiếp hàng ngày và công việc sau này.

Nội dung của học phần bao gồm cả (1) kiến thức về kỹ năng Nghe, (2) từ vựng về các chủ đề như văn hoá, khoa học... và (3) kiến thức về cấu trúc ngữ pháp, từ vựng,...được áp dụng trong các bài tập thực hành. Các chủ đề như khoa học, công nghệ, xã hội, tâm lý, kinh doanh, marketing v.v. được lồng ghép trong các bài nghe sẽ giúp sinh viên không những mở rộng kiến thức, từ vựng về những lĩnh vực khác nhau mà còn có thể thực hành, củng cố các kỹ năng ngôn ngữ.

***32. FLA7023, Nói 3 (3 tín chỉ)***

Học phần Nói 3 cung cấp cho sinh viên kiến thức về các chủ đề kinh tế, khoa học và trang bị các kĩ năng trong hoạt động nói như thuyết trình các khảo sát khoa học, thuyết trình về các thiết kế kiến trúc, thuyết trình về phong thái, thảo luận về mạng xã hội, thể hiện bài diễn văn ngắn, thuyết trình ý tưởng và kĩ năng nhập vai thể hiện một cuộc phỏng vấn.

Trong học phần này, sinh viên sẽ được củng cố và phát triển kĩ năng nói thông qua các bài luyện tập về cách phát âm và các bài tập thực hành các kĩ năng nhỏ khi giao tiếp. Các bài luyện tập về phát âm sẽ tập trung vào các khía cạnh như ngữ điệu của các câu cảm thán, cách phát âm phụ âm cuối ở các âm tiết không có trọng âm, cách nối các phụ âm, ngữ điệu ở câu hỏi hoặc trọng âm của từ đơn và từ ghép. Các bài thực hành kỹ năng nói hướng tới trang bị các kỹ năng giao tiếp như cách thu hút sự chú ý của người nghe vào ý chính, cách yêu cầu ví dụ minh hoạ và cách đưa ra ví dụ, cách đưa ra lời khuyên, cách yêu cầu làm rõ vấn đề cũng như cách làm rõ vấn đề, cách thể hiện quan điểm, đưa ra hướng dẫn, và cách tóm tắt ý.

Nội dung của học phần Nói 3 bao gồm (1) kiến thức về kỹ năng Nói, (2) từ vựng về các chủ đề kinh doanh và tiếp thị, tâm lý học, tâm lý học xã hội, công nghệ, xã hội học, khoa học hành vi, và khoa học môi trường, và (3) kiến thức về các cấu trúc ngữ pháp. Với các kiến thức về kỹ năng, từ vựng, và ngữ pháp như vậy, sinh viên không những có thể mở rộng được kiến thức, từ vựng về các chủ đề khác nhau mà còn có thể thực hành và củng cố các kỹ năng ngôn ngữ ở nhiều môi trường, hoàn cảnh trong xã hội.

***33. FLA7024, Đọc 3 (3 tín chỉ)***

Học phần Đọc 3 cung cấp cho sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Anh kiến thức và kỹ năng cải thiện từ vựng tiếng Anh trong đọc hiểu khám phá lĩnh vực khoa học tự nhiên, xã hội, phát triển và cải thiện kỹ năng tư duy đọc hiểu qua các ngữ cảnh khác nhau. Sinh viên được làm quen với các chủ đề về các nhà thám hiểm vĩ đại, nước hoa, não bộ của thiếu niên….

Trong học phần này, sinh viên sẽ rèn luyện dược các kỹ năng tóm tắt ý, ghi chú các ý chính, xác định thông tin bổ trợ, hiểu các định nghĩa trong văn bản.

Nội dung của học phần bao gồm cả từ vựng học thuật, các cụm từ được sử dụng tự nhiên, được lồng ghép với các hiện tượng ngữ pháp trong bài đọc sẽ giúp sinh viên có thể tiếp thu được các kiến thức về lĩnh vực khoa học tự nhiên, xã hội vừa có thể cũng cố lại các điểm ngữ pháp trong câu,và làm quen với các điểm ngữ pháp mới trong bài đọc.

Mục tiêu của học phần là giúp sinh viên ghi nhớ, phát triển khả năng sử dụng linh hoạt từ vựng cơ bản tiếng Anh hiệu quả trong câu, đoan ở kỹ năng Đọc ở trình độ cao. Đồng thời, khuyến khích sinh viên phát triển kỹ năng Nghe, Nói, Viết tiếng Anh thông qua các hoạt động thực hành và áp dụng kiến thức vào thực tế xã hội.

***34. FLA7025, Viết 3 (3 tín chỉ)***

Nội dung của học phần bao gồm kiến thức về các loại đoạn văn khác nhau như đoạn văn định nghĩa, đoạn văn về quy trình, về quan điểm, hay đoạn văn kể chuyện, đồng thời giới thiệu khái quát cấu trúc của một bài luận (đoạn mở bài, các đoạn thân bài và đoạn kết bài), các dạng bài luận khác nhau, và cách viết câu hook trong đoạn mở bài của bài luận để thu hút sự chú ý và hứng thú của người đọc . Ngoài ra, học phần tiếp tục cung cấp nhiều bài tập thực hành để sinh viên củng cố từ vựng ở trình độ trung cấp và viết câu chính xác và đa dạng.

Trong học phần này, sinh viên sẽ được yêu cầu đọc và phân tích các đoạn văn mẫu theo từng dạng đoạn văn (định nghĩa, quy trình, quan điểm, kể chuyện), làm các bài tập từ vựng và ngữ pháp thường được sử dụng trong những dạng đoạn văn đó. Sinh viên cũng sẽ được hướng dẫn tiến trình viết từng dạng đoạn văn, làm việc theo nhóm tìm ý cho bài viết và sửa bài viết. Ngoài ra, sinh viên có thể được khuyến khích làm portfolio bài viết thể hiện mức độ tiến bộ của sinh viên trong kỹ năng viết.

Mục tiêu của học phần là giúp sinh viên viết được các dạng đoạn văn khác nhau và nắm được khái quát cấu trúc của bài luận để dễ dàng tiếp thu kiến thức ở học phần viết cao hơn. Hơn nữa, học phần giúp sinh viên xây dựng lượng vốn từ vựng phong phú ở trình độ trung cấp và hình thành câu chính xác và đa dạng

***35. FLA7026, Từ vựng học (3 tín chỉ)***

Học phần Từ vựng học cung cấp cho sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Anh kiến thức và kỹ năng sử dụng từ vựng tiếng Anh trong các ngữ cảnh khác nhau. Sinh viên được làm quen với những kiến thức cơ bản về phân biệt giữa nghĩa từ vựng và nghĩa ngữ pháp, vốn phái sinh từ sự phân biệt được nêu ra trong truyền thống giữa vốn từ của một ngôn ngữ và ngữ pháp của nó với các khái niệm cơ bản về từ vựng học, lịch sử nguồn gốc từ vựng tiếng Anh.

Trong học phần này, sinh viên được yêu cầu đọc và phân tích các văn bản, và tài liệu liên quan đến từ, cấu tạo từ bằng tiếng Anh. Sinh viên sẽ tham gia vào các hoạt động như thảo luận nhóm, làm bài tập áp dụng cho từng chủ đề của bài học.

Nội dung của học phần bao cung cấp cho sinh viên một số kiến thức và kỹ năng cơ bản về những thuật ngữ cần thiết về lý thuyết từ, từ vựng, ngữ nghĩa, cấu tạo từ, các đặc điểm cơ bản về hình vị, các quy luật biến đổi hình vị tiếng Anh. ngoài ra sinh viên có được những hiểu biết cơ bản để phân biệt về các loại ngữ nghĩa, hiện tượng đồng âm, đồng nghĩa, trái nghĩa, thành ngữ trong tiếng Anh.

Mục tiêu của học phần là giúp sinh viên phát triển khả năng hiểu biết về các khái niệm cơ bản liên quan đến từ, các qui tắc biến đổi cơ bản của từ, các loại ngữ nghĩa, hiện tượng đồng âm, đồng nghĩa, trái nghĩa, thành ngữ, hình vị tiếng Anh, các quy luật biến đổi hình vị trong tiếng Anh. Ngoài những nội dung trên đây, học phần này còn bước đầu cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng để chuẩn bị cho học phần chuyên sâu cũng như các học phần thuộc khối kiến thức ngôn ngữ học chuyên ngành của sinh viên ngôn ngữ Anh.

***36. FLA7027, Lý thuyết dịch (3 tín chỉ)***

Học phần Lý thuyết Dịch là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo hệ cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần nàycung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử dịch thuật, các phương pháp và kỹ thuật dịch, và văn phong trong biên phiên dịch.

Trong học phần này, sinh viên được yêu cầu nắm bắt các kiến thức cơ bản về lịch sử dịch thuật, các phương pháp dịch và văn phong trong dịch thuật. Sinh viên được làm quen và thực hành biên - phiên dịch, phân biệt dịch viết với dịch nói; mô tả được các thành tố cơ bản tham gia vào quá trình biên - phiên dịch. Sinh viên xác định được và phân tích được phương pháp dịch văn bản, nhận biết đặc điểm các loại văn bản cũng như văn phong sử dụng trong biên - phiên dịch.

Nội dung của học phần bao gồm cả (1) kiến thức về biên phiên dịch, (2) từ vựng về các chủ đề như văn hoá, khoa học.. và (3) kiến thức về cấu trúc ngữ pháp, thành ngữ, tục ngữ,...được áp dụng trong biên-phiên dịch. Các chủ đề văn hoá, khoa học, xã hội...được lồng ghép trong các bài dịch sẽ giúp sinh viên không những mở rộng kiến thức, từ vựng về những lĩnh vực khác nhau mà còn có thể thực hành, củng cố các kỹ năng biên – phiên dịch.

Mục tiêu của học phần là giúp sinh viên phát triển kỹ năng biên-phiên dịch cơ bản. Đồng thời, khuyến khích sinh viên phát triển kỹ năng Nghe, Nói, tốc ký, ghi chú, kỹ năng Đọc hiểu, tóm tắt văn bản, và kỹ năng phân tích, lựa chọn phương pháp dịch thông qua lý thuyết và các hoạt động thực hành.

***37. FLA7028, Biên dịch 1 (3 tín chỉ)***

Học phần Biên dịch1là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo hệ cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần có 2 phần: phần 1 tập trung vào nội dung về các loại hình biên dịch, kỹ thuật biên dịch và những sai lầm cần tránh khi dịch; phần 2 gồm nhiều bài tập, mỗi bài đều có phần cũng cố Lý thuyết, bài tập và thực hành dịch với nhiều chủ đề khác nhau. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng biên dịch cơ bản; áp dụng lý thuyết vào các bài tập thực hành theo mức độ nâng cao dần. Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng dịch các mẫu câu cơ bản, các loại mệnh đề và dịch các đoạn ngắn theo các chủ đề khác nhau.

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các loại hình biên dịch, tiến trình biên dịch và những sai lầm cần tránh khi dịch văn bản, kiến thức chung về lĩnh vực văn hoá, xã hội thông qua nội dung học tập, các kiến thức cơ bản về chức năng ngôn ngữ và các yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên củng cố và phát triển kỹ năng sử dụng từ điển, sử dụng từ vựng chính xác trong từng ngữ cảnh; kỹ năng diễn đạt, phân biệt được giữa ngôn ngữ hàn lâm và ngôn ngữ đời thường; kỹ năng phân tích, đọc hiểu và dịch được các mẫu câu cơ bản, các loại câu mệnh đề, các đoạn văn ngắn theo chủ đề.

***38. FLA7029, Phiên dịch 1 (3 tín chỉ)***

Học phần Phiên dịch 1 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo hệ cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh. Nội dung học phần nhằm giới thiệu tổng quan về phiên dịch, một số lý thuyết về phiên dịch và các loại hình phiên dịch, đặc biệt nhấn mạnh quy tắc đạo đức cần thiết và tính chuyên nghiệp đối với người phiên dịch.

Nôi dung học phần là chương trình học lý thuyết và thực hành các kỹ năng cơ bản của công việc phiên dịch như: ghi nhớ, ghi chú, nghe hiểu để dịch, ghi chép để dịch, tóm tắt, diễn giải và tái diễn đạt, nói trước đám đông, phân tích thông điệp, phân tích diễn ngôn. Sinh viên thực hành dịch các câu, đoạn ngắn về các chủ đề bao gồm các vấn đề chung trong cuộc sống như giáo dục, văn hoá, kinh tế, chính trị, xã hội, khoa học, kĩ thuật và công nghệ.

Mục tiêu học phần còn nhằm trang bị cho sinh viên kỹ năng, kỹ thuật cơ bản về phiên dịch, cụ thể là kỹ thuật dịch đuổi (consecutive interpretation) dựa trên nền tảng kỹ năng tiếng Anh đã được tích lũy trong những năm học trước. Nội dung các buổi học được thiết kế hướng đến nhằm trang bị cho sinh viên khả năng: (i) Nghe và phân tích thông điệp; (ii) Dịch đuổi từng câu/ từng đoạn không ghi chép (*Consecutive interpretation without note-taking).*Phần lý thuyết trong học phần nhằm giới thiệu các khái niệm cơ bản trong hoạt động phiên dịch. Phần thực hành nhằm cung cấp cho sinh viên cơ hội được thực hành, luyện tập dịch các bài phát biểu được thiết kế giống tình huống hội thảo, tọa đàm, hoặc workshop thực tế để sinh viên được luyện tập kỹ năng, kỹ thuật dịch đuổi (consecutive) hội nghị. Qua các bài thực hành dịch, sinh viên sẽ được giảng viên hướng dẫn rút ra kinh nghiệm, xử lý các lỗi sai, các cách dịch theo tình huống và nội dung tương ứng.

***39. FLA7030, Nghe 4 (3 tín chỉ)***

Học phần Nghe 4 cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ sử dụng trong ghi chú để tóm tắt bài giảng, ghi chú chủ đề nguyên nhân và kết quả, ghi chú về các sự kiện..., kiến thức về đánh giá và suy luận thái độ của người nói. Thông qua các bài học này, sinh viên không chỉ nâng cao kỹ năng nghe hiểu, mà còn phát triển kỹ năng ghi chép, tư duy phê phán và mở rộng vốn từ vựng.

Ngoài ra, sinh viên sẽ được củng cố và cải thiện kỹ năng nghe thông qua các bài tập thực hành về kỹ năng suy luận từ thông tin nghe được, kỹ năng nghe để tìm hiểu nguyên nhân và kết quả, kỹ năng nghe để nhận biết các dấu hiệu thời gian, kỹ năng nghe để nhận biết các loại số liệu khác nhau, kỹ năng nghe để nhận biết các dấu hiệu dẫn dắt, và kỹ năng nghe để nhận biết các ví dụ. Những kỹ năng này không chỉ hữu ích trong việc học tập mà còn trong giao tiếp và công việc sau này.

Nội dung của học phần Nghe4 bao gồm cả (1) kiến thức về kỹ năng Nghe, (2) từ vựng về các chủ đề khác nhau (3) kiến thức về cấu trúc ngữ pháp, từ vựng,...được áp dụng trong các bài tập thực hành. Các chủ đề như kinh tế, khoa học, công nghệ, xã hội, tâm lý...được lồng ghép trong các bài nghe sẽ giúp sinh viên không những mở rộng kiến thức, từ vựng về những lĩnh vực khác nhau mà còn có thể thực hành, củng cố các kỹ năng ngôn ngữ.

***40. FLA7031, Nói 4 (3 tín chỉ)***

Học phần Kỹ năng Nói 4 cung cấp cho sinh viên kiến thức về các chủ đề khoa học và kinh tế, cũng như trang bị các kĩ năng trong hoạt động nói như tham gia được các cuộc hội thoại, tiến hành các cuộc khảo sát quy mô lớp học, tham gia thảo luận nhóm, và trình bày các bài thuyết trình ngắn.

Trong học phần này, sinh viên sẽ được củng cố và phát triển kĩ năng nói thông qua các bài luyện tập phát âm cũng như các bài thực hành về các kĩ năng khi giao tiếp. Các bài phát âm tập trung vào các chủ điểm như phát âm dạng viết tắt của trợ động từ, nối âm với */j/* và */w/,* ngữ điệu ở câu hỏi đuôi, ngữ điệu trong câu hỏi, cách phát âm dạng viết tắt, trọng âm của các từ quan trọng, và ngữ điệu của các loại câu khác nhau. Các bài thực hành các kĩ năng giao tiếp hướng tới các kỹ năng như cách thể hiện sự tuần tự, đưa ra lời khuyên, hỏi và đưa ra lí do, đưa ra các lí lẽ ủng hộ cho quan điểm của mình, thực hiện những bài thuyết trình ngắn, dẫn dắt một cuộc thảo luận nhóm, và thể hiện sự đồng ý hoặc không đồng ý.

Nội dung của học phần Nói 4 bao gồm (1) kiến thức về kỹ năng Nói, (2) từ vựng về các chủ đề xã hội học, khoa học dinh dưỡng, tâm lý học, tiếp thị, khoa học hành vi, thần kinh học, và kinh tế, và (3) kiến thức về các cấu trúc ngữ pháp. Với các kiến thức về kỹ năng, từ vựng, và ngữ pháp như vậy, sinh viên không những có thể mở rộng được kiến thức, từ vựng về các chủ đề khác nhau mà còn có thể thực hành và củng cố các kỹ năng ngôn ngữ ở nhiều môi trường, hoàn cảnh trong xã hội.

***41. FLA7032, Đọc 4 (3 tín chỉ)***

Học phần Đọc 4 cung cấp cho sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Anh kiến thức và kỹ năng từ vựng tiếng Anh nâng cao trong đọc hiểu khám phá lĩnh vực khoa học tự nhiên, xã hội, và cải thiện kỹ năng tư duy đọc hiểu nâng cao qua các ngữ cảnh bài đọc đa dạng. Sinh viên được tiếp cận với các chủ đề về thể thao, động vật, trái đất, bạo lực, biển đảo v.v…Trong học phần này, sinh được yêu cầu đọc hiểu, ghi nhớ, vận dụng và làm các bài tập luyện tập thực hành, diễn giải ý chính của bài đọc qua các chủ đề thú vị bằng cách tóm tắt lại nội dung chính bài đọc, tham gia vào các hoạt động như thảo luận nhóm để thực hành và cải thiện kỹ năng tóm tắt cơ bản và nâng cao trong Đọc hiểu tiếng Anh của mình.

Nội dung của học phần bao gồm từ vựng nâng cao hơn và kiến thức chuyên sâu về các vấn đề khoa học tự nhiên thông qua nhiều chủ đề và ngữ cảnh đa dạng. Sinh viên có thể học về các thuật ngữ, cụm từ, và từ vựng học thuật được sử dụng tự nhiên, được lồng ghép với các hiện tượng ngữ pháp trong bài đọc sẽ giúp sinh viên có thể tiếp thu được các kiến thức về lĩnh vực khoa học tự nhiên, xã hội vừa có thể cũng cố nâng cao các điểm ngữ pháp trong câu, đoạn trong bài đọc.

***42. FLA7033, Viết 4 (3 tín chỉ)***

Học phần Viết 4 giúp người học ôn lại những kiến thức về đoạn văn đã học ở học phần trước như các yếu tố để tạo nên đoạn văn tốt, câu chủ đề (topic sentences), các câu hỗ trợ (supporting sentences), câu kết của đoạn (concluding sentences), các loại đoạn văn, cách sử dụng từ vựng và xây dựng câu hiệu quả. Ngoài ra học phần còn giới thiệu các dạng bài luận và cách viết các dạng bài đó, cách sử dụng từ vựng, cấu trúc câu một cách hiệu quả như: bài luận dạng nguyên nhân kết quả (cause-effect essays), bài luận dạng so sánh ( comparison essays), bài luận dạng vấn đề và giải pháp ( problem-solution essays).

Trong học phần này, sinh viên sẽ được yêu cầu đọc và phân tích các đoạn văn mẫu theo từng dạng đoạn văn, làm các bài tập từ vựng và ngữ pháp thường được sử dụng trong những dạng đoạn văn đó. Sinh viên cũng sẽ được hướng dẫn tiến trình viết từng dạng đoạn văn, từng dạng bài luận, làm việc theo nhóm tìm ý cho bài viết và sửa bài viết. Mục tiêu của học phần là giúp sinh viên viết được các dạng đoạn văn khác nhau và phân biệt cũng như hiểu được cách viết các dạng bài luận cơ bản. Hơn nữa, học phần giúp sinh viên xây dựng lượng vốn từ vựng phong phú ở trình độ cao và hình thành câu chính xác và đa dạng.

***43. FLA7034, Biên dịch 2 (3 tín chỉ)***

Học phần Biên dịch 2 là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo hệ cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần tập trung vào phần thực hành với các bài dịch tập trung vào các chủ đề về kinh tế, tài chính, điện tử – viễn thông, y tế, văn hoá, giáo dục, giải trí. Học phần *Biên dịch 2* cung cấp kiến thức và kỹ năng biên dịch tiếng Anh ở trình độ cao, những điều cần chú ý khi dịch văn bản và các lỗi thường gặp nên tránh khi tiến hành dịch văn bản, giúp người học có thể thực hành dịch đa dạng các thể loại và chủ đề khác nhau.

Học phần cung cấp các kiến thức về các kỹ thuật biên dịch; kiến thức về ngữ pháp và từ vựng chuyên sâu để dịch viết, các lĩnh vực liên quan thông qua nội dung học tập như văn học, văn hoá, giáo dục, kinh tế, giải trí, khoa học.

Thông qua học phần, sinh viên sẽ nâng cao các kỹ năng biên dịch như: Ambiguous translation (Câu dịch mơ hồ), The intention of the author (Thể hiện ý đồ của tác giả), Word for word translation (Dịch từng từ), Emphasis (Lối nói nhấn mạnh), Repetition & equivalence (Nhắc lại và thay thế tương đương), SL interference (Sự can thiệp của ngôn ngữ nguồn), Synonyms (Từ đồng nghĩa), Cultural featues (Đặc thù văn hóa), Word & Concept (Từ và khái niệm), Collocation (Kết hợp từ), Styles (Văn phong), Poetry translation (Dịch thơ), Literary translation (Dịch văn học)…

***44. FLA7035, Phiên dịch 2 (3 tín chỉ)***

Học phần Phiên dịch 2 được thiết kế tiếp nối học phần Phiên dịch 1 cho sinh viên hệ Cử nhân Ngôn ngữ Anh. Học phần tiếp tục giới thiệu một số lý thuyết về phiên dịch, đồng thời thực hành các kĩ thuật phiên dịch.

Nội dung của học phần giúp sinh viên ôn lại lý thuyết và phần lớn áp dụng vào thực hành luyện các kỹ năng của công việc phiên dịch: nói trước đám đông, dự đoán về người nói, ghi nhớ, ghi chú, tóm tắt, diễn giải về kinh tế, chính trị. Sinh viên thực hành dịch các câu hoặc các đoạn ngắn theo các chủ đề phổ biến (giáo dục, văn hoá, kinh tế, xã hội, khoa học …). Ngoài ra, học phần tập trung về giới thiệu các định nghĩa và khái niệm thuật ngữ trong dịch hội nghị; Nguyên tắc của ghi chép (note taking) trong dịch đuổi (consecutive interpretation) để có thể vận dụng ghi chép hỗ trợ cho trí nhớ khi dịch. Thực hành luyện dịch với các bài phát biểu được thiết kế sẵn theo dạng bài phát biểu thực tế trong bối cảnh hội nghị, hội thảo, thuyết trình với độ dài đa dạng.

Mục tiêu học phần giúp cho sinh viên lĩnh hội các kỹ năng đặc thù của chuyên ngành dịch. Học phần nhằm xây dựng và phát triển kỹ năng, kỹ thuật phiên dịch nâng cao, dựa trên nền tảng các kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật dịch nói cơ bản đã tích lũy được trong môn Phiên dịch 1. Sinh viên cũng được hướng dẫn chuẩn bị các bài phát biểu theo chủ đề cho sẵn, tự đóng vai diễn giả để trình bày bài nói cho cả lớp luyện tập dịch. Điều này giúp sinh viên vừa trau dồi khả năng ngôn ngữ nói chung như thuyết trình, nói chuyện trước công chúng (public speaking), và khả năng phiên dịch nói riêng.

***45. FLA7036, Đất nước học Anh - Mỹ (3 tín chỉ)***

Đất nước học Anh - Mỹ là một môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức, đặc trưng cơ bản về Vương quốc Anh và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Học phần này giới thiệu cho sinh viên về đất nước, lịch sử phát triển, các giá trị truyền thống, thể chế chính trị, kinh tế, giáo dục, hay các hoạt động trong đời sống hàng ngày của người dân bằng cách giới thiệu các môn thể thao và lễ hội tại Vương quốc Anh và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Qua môn học này, sinh viên sẽ có thêm hiểu biết về hai đất nước cũng như có kiến thức cơ sở để học tập và nghiên cứu các vấn đề liên quan về Vương quốc Anh và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Thêm vào đó, sinh viên có thể Vận dụng các kiến thức đã học để thảo luận, phân tích và trả lời các câu hỏi liên quan đến Vương quốc Anh và Hợp chủng Quốc Hoa Kỳ, lịch sử phát triển, các giá trị truyền thống, thể chế chính trị, kinh tế, giáo dục, phúc lợi xã hội, đời sống hàng ngày.

***46. FLA7037, Viết tiếng Anh học thuật ( 3 tín chỉ)***

Học phần Viết tiếng Anh học thuật cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản về quy trình và cách viết các dạng bài luận, bài nghiên cứu … mang tính phức tạp và tư duy trong các lĩnh vực học thuật.

Trong học phần này, sinh viên được trang bị kiến thức về mối tương quan về cấu trúc cũng như tính chặt chẽ và mạch lạc của các câu văn, đoạn văn trong một bài luận; các bước viết cũng như vai trò của từng phần: mở bài, thân bài, và kết luận trong bài luận. Từ đó, áp dụng kiến thức về bố cục và khả năng sử dụng ngôn ngữ phù hợp tạo thành một bài viết hay ở các thể loại bài luận khác nhau trong các dạng bài như: nguyên nhân - kết quả, so sánh, vấn đề - giải pháp v.v… Bên cạnh đó, sinh viên cũng được tạo cơ hội để phát triển kĩ năng giao tiếp thông qua các hoạt động nhóm, thảo luận chỉnh sửa cho nhau các dạng bài viết để mở rộng và củng cố từ vựng, ngữ pháp và cách biểu đạt ý.

Kết thúc học phần Viết tiếng Anh học thuật, sinh viên có thể hiểu và nắm vững các nguyên tắc cơ bản trong việc viết tiếng Anh học thuật như: viết các bài luận, báo cáo, tiểu luận, và các nghiên cứu khoa học … Đồng thời, phát triển kĩ năng làm việc độc lập, kĩ năng tự học và làm việc nhóm. Từ đó, sinh viên có thể tiếp tục tự thực hành trong các nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học của mình.

***47. FLA7038, Ngữ nghĩa học (3 tín chỉ)***

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về ngữ nghĩa của ngôn ngữ Anh với các cách sử dụng ngôn ngữ đa dạng. Học phần cung cấp những kỹ năng ngôn ngữ cơ bản: mối quan hệ giữa từ và ý nghĩa của từ, mối quan hệ giữa câu và ý nghĩa của câu, nắm vững hai mặt ngôn ngữ của tiếng Anh, ngữ nghĩa học và ngữ dụng học, và nắm vững các kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học tiếng Anh. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể nắm được hệ thống ngữ nghĩa tiếng Anh, phân biệt được các loại ngữ nghĩa của từ và câu, hiểu được quan hệ ngữ nghĩa của từ, câu, & phát ngôn. Bên cạnh đó, sinh viên có thể nắm được những quan điểm chuẩn mực và chính thống về ngữ nghĩa học; biết sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt và sinh động; hiểu được những ẩn ý và những suy luận của ngôn ngữ, sử dụng được ngôn ngữ một cách hiệu quả trong giao tiếp.

Nắm bắt những kiến thức này giúp sinh viên có khả năng hiểu sâu và phân tích nghĩa; Vận dụng vào quá trình học tập và nghiên cứu ngôn ngữ, vào chuyên ngành Biên phiên dịch Kỹ thuật cũng như vào quá trình giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày. Môn học này không chỉ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cũng như kỹ năng thực hiện chuyên môn mà còn cung cấp cho sinh viên một hệ thống thuật ngữ, khái niệm và kỹ năng học tập, nghiên cứu ngữ nghĩa bằng tiếng Anh giúp sinh viên nâng cao khả năng ngoại ngữ.

***48. FLA7039, Cú pháp học (3 tín chỉ)***

Học phần này giới thiệu những lý thuyết và nguyên tắc phân tích cấu trúc tiếng Anh, bao gồm các chủ đề: ngữ pháp tạo sinh, thuyết ràng buộc, thuyết thanh chắn X, từ loại, thành tố cấu trúc câu, mối quan hệ cấu trúc câu, sự dịch chuyển. Học phần tập trung vào kỹ năng phân tích cấu trúc câu trong tiếng Anh nhằm phát triển kỹ năng phân tích ngôn ngữ của sinh viên phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu sau này.

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể hiểu được hệ thống cấu trúc nền tảng của tiếng Anh, phân tích được cấu trúc của một ngôn ngữ, phát triển kỹ năng tư duy phân tích, đối chiếu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên nhận thức rõ tầm quan trọng cũng như ý nghĩa của cú pháp học trong việc giảng dạy và nghiên cứu một ngôn ngữ.

***49. FLA7040, Ngữ dụng học (3 tín chỉ)***

Môn học Ngữ dụng học cung cấp những kiến thức cơ bản về ngữ dụng học với tư cách là một đơn vị giao tiếp. Ngữ dụng học giải thích cách các cá nhân sử dụng các nguồn ngôn ngữ để tạo ra và diễn giải ý nghĩa trong tương tác, để thay đổi các mối quan hệ. Ngoài ra, môn học giới thiệu cách tiếp cận dụng học với ngữ dụng học để người học nắm được xác định, phân tích và làm rõ các mối quan hệ giữa ngữ dụng học và các môn học liên quan, và việc sử dụng kiến thức nền trong phân tích ngữ dụng học.

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể sử dụng các khái niệm cơ bản trong Ngữ dụng học, tìm hiểu các ứng dụng Ngữ dụng học trong thực tiễn ; áp dụng kỹ năng phân tích ngữ dụng học, phản biện và đánh giá được các khía cạnh trong ứng dụng của Ngữ dụng học, và vận dụng được kiến thức đã học để giảng dạy, giải thích và phân tích các khía cạnh Ngữ dụng học.

***50. FLA7041, Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy và học ngoại ngữ (3 tín chỉ)***

Học phần Ứng dụng CNTT trong dạy và học ngoại ngữ là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo hệ cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần nhằm mục đích khai thác tối đa hiệu quả của việc ứng dụng CNTT trong dạy và học ngoại ngữ.

Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng cho người học để người học thấy được tầm quan trọng của ứng dụng công nghệ thông tin vào trong việc dạy học, tìm kiếm thông tin trên mạng Internet, xử lí văn bản, thiết kế bài trình chiếu trên máy tính, xử lí âm thanh, hình ảnh, tạo sản phẩm video, khai thác các dụng cụ số, khai thác mạng Internet trong lưu trữ trực tuyến, giao tiếp trực tuyến. Ngoài ra, môn học cung cấp một số ứng dụng trực tuyến nhằm đa dạng hóa các hoạt động dạy học, tạo trang web phục vụ cho việc dạy và học Ngoại ngữ, cập nhật với các xu hướng, thành tựu phát triển mới trong lĩnh vực chuyên môn.

Mục tiêu của học phần là giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của việc áp dụng công nghệ thông tin vào việc dạy và học ngoại ngữ, có kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin (CNTT) đáp ứng yêu cầu học tốt các môn học trong chương trình đào tạo, đặc biệt là các môn học chuyên ngành (thể hiện rõ nhất là ứng dụng trong thực hiện các đề án môn học), kiến thức về các ứng dụng và nền tảng công nghệ cho việc dạy và học ngoại ngữ. Từ đó, sinh viên có kỹ năng ứng dụng CNTT để có thể tự tạo trang web cho bản thân hoặc các sản phẩm công nghệ thông tin ứng dụng vào trong việc dạy và học ngoại ngữ.

***51. FLA7042, Diễn thuyết trước công chúng (3 tín chỉ)***

Học phần bao quát được các nội dung liên quan như cấu trúc một bài thuyết trình tiếng Anh, các cấu trúc tiếng Anh được sử dụng trong một bài thuyết trình, các yếu tố làm nên một bài diễn thuyết tiếng Anh hiệu quả, cách thiết kế một bài thuyết trình tiếng Anh trên phần mềm ứng dụng.

Nội dung học phần được thiết kế nhằm hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh, đặc biệt là kỹ năng thuyết trình trong các buổi họp, các hội nghị, hội thảo trong các lĩnh vực. Sinh viên được trang bị các nguyên tắc trong diễn thuyết: thời gian, khán giả, chuẩn bị nội dung phù hợp, cấu trúc cần thiết để chuyển tiếp từ phần này sang phần khác, kỹ năng xử lý câu hỏi của khán giả.

Mục tiêu học phần này giúp người học có thêm các kiến thức cơ bản về kỹ năng diễn thuyết, mạnh dạn và tự tin hơn khi thể hiện những suy nghĩ của mình. Đây cũng là học phần yêu cầu người học đứng trước lớp để diễn thuyết bằng tiếng Anh về một chủ đề (chủ đề theo bài học hoặc chủ đề liên quan đến chuyên ngành). Người học sẽ làm việc theo nhóm hoặc cá nhân, sử dụng hình ảnh, tranh vẽ, và các ứng dụng công nghệ để minh họa cho bài thuyết trình. Ngoài ra học phần còn giúp người học học được cách thu thập tài liệu, lựa chọn và phát triển các đề tài cụ thể, chuẩn bị dàn ý chi tiết. Trong khi thuyết trình, người học vận dụng những ngôn ngữ hình thể đã tìm hiểu được để làm cho bài nói của mình thêm sinh động, thu hút người nghe.

***52. FLA7043, Giao tiếp liên văn hoá (3 tín chỉ)***

Học phần Giao tiếp liên văn hoácung cấp cho sinh viên các kiến thức và kĩ năng giao tiếp liên văn hoá để từ đó sinh viên hiểu và có thể hoà nhập vào các môi trường giao tiếp liên văn hoá. Trong học phần này, sinh viên sẽ được làm quen với các chủ đề của giao tiếp liên văn hoá như các thành tố trong văn hoá và giao tiếp, giao tiếp bằng ngôn từ và phi ngôn từ, các vấn đề trong giao tiếp liên văn hoá cũng như các mối quan hệ giữa người với người.

Trong học phần này, sinh viên được yêu cầu đọc và tìm hiểu các chủ điểm liên quan tới giao tiếp liên văn hoá, sau đó thảo luận theo cặp, theo nhóm và thuyết trình về các vấn đề văn hoá thông qua các sản phẩm dự án theo nhóm. Đặc biệt, ở cuối học phần này, sinh viên còn được yêu cầu lựa chọn một chủ đề liên văn hoá, tìm hiểu về chủ đề đó và trình bày hiểu biết của mình về chủ đề đó dưới dạng tiểu luận khoa học.

Nội dung của học phần Giao tiếp liên văn hoá tập trung chủ yếu vào các kiến thức liên quan tới giao tiếp liên văn hoá. Qua đó, sinh viên sẽ tiếp nhận được các thuật ngữ chuyên ngành ngôn ngữ và văn hoá, cũng như được tiếp nhận các cách sử dụng từ, câu cũng như các hiện tượng ngữ pháp trong văn phong hàn lâm thực tế. Từ đó, sinh viên sẽ có được sự chuẩn bị kĩ càng để tham gia một cách tự tin vào các môi trường giao tiếp liên văn hoá tại các môi trường làm việc khác nhau của ngành Ngôn ngữ Anh.

***53. FLA7044, Học tập theo dự án (3 tín chỉ)***

Học phần Học tập theo dự án là một học phần tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Anh. Học phần nhằm giới thiệu một phương pháp học tập hiện đại cho người học ngoại ngữ. Học phần này trang bị cho người học các nguyên lý và lý thuyết nền tảng của thuyết kiến tạo và các đặc điểm cơ bản của phương pháp học tập theo dự án. Người học cũng sẽ nhận ra các ưu điểm cũng như các thách thức khi ứng dụng phương pháp này. Người học có cơ hội ứng dụng các kiến thức đã được trang bị vào lập kế họach và thực hiện quá trình học tập theo dự án, từ đó phát triển các kỹ năng ngôn ngữ và các kỹ năng thế kỷ XXI. Bằng cách tự đặt mình vào vị trí người học, giảng viên và sinh viên sẽ thực hiện một dự án học tập hoàn chỉnh. Trong suốt quá trình này, giảng viên sẽ luôn hỗ trợ phía sau – sự hỗ trợ của giảng viên sẽ được giữ ở mức hợp lý nhất nhằm giúp người học trải nghiệm được nhiều nhất, học được nhiều nhất thông qua trải thực hành hoạt động (Learning by Doing)

***54. FLA7021, Thực tập (4 tín chỉ)***

Học phần Thực tậplà một nội dung quan trọng trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức và kĩ năng làm việc trong môi trường làm việc liên quan tới chuyên ngành Ngôn ngữ Anh. Đặc biệt, học phần này tạo cơ hội cho sinh viên tiếp thu các kiến thức và kĩ năng đó thông qua việc trải nghiệm thực tế.

Trong học phần này, sinh viên được yêu cầu lựa chọn các địa điểm phù hợp để thực tập các vị trí có sử dụng tiếng Anh. Sinh viên sẽ đến làm việc thực tế tại đơn vị thực tập, thực hiện các nhiệm vụ công việc do đơn vị thực tập giao phó. Đồng thời, trong quá trình thực tập, sinh viên cũng cần viết nhật kí thực tập và thu thập các thông tin phục vụ cho việc viết báo cáo thực tập. Sau thời gian thực tập, sinh viên sẽ phải báo cáo kết quả thực tập cho giảng viên hướng dẫn và Học viện.

Nội dung của học phần Thực tậpgồm các kiến thức liên quan tới việc chuẩn bị thực tập, thực hiện nhiệm vụ thực tập, và báo cáo kết quả thực tập. Học phần này giúp sinh viên có được sự liên hệ giữa lý thuyết và thực tế, nâng cao các kiến thức đã học, cũng như biết cách vận dụng các kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề do thực tiễn đặt ra. Đặc biệt, kết thúc học phần, kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên cũng như kiến thức về các cơ sở thực tập sẽ được nâng cao, tạo tiền đề phục vụ cho việc sinh viên ra trường làm việc.

***55. FLA7045, Khoá luận tốt nghiệp (6 tín chỉ)***

Học phần *Khóa luận tốt nghiệp* được tổ chức vào năm học cuối khóa dành cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức và kĩ năng thực hiện một khoá luận tốt nghiệp trong lĩnh vực ngôn ngữ. Đặc biệt, sinh viên được làm quen với các thuật ngữ trong nghiên cứu khoa học cũng như văn viết học thuật.

Trong học phần này, sinh viên được yêu cầu lựa chọn một đề tài nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực ngôn ngữ. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn, sinh viên sẽ tiến hành xây dựng kế hoạch nghiên cứu, thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu và viết luận văn. Cuối cùng, sinh viên sẽ được yêu cầu báo cáo đề tài luận văn của mình trước hội đồng cũng như trả lời các câu hỏi do hội đồng đặt ra.

Nội dung của học phần *Khoá luận tốt nghiệp* bao gồm các kiến thức liên quan tới chuyên ngành ngôn ngữ và nghiên cứu khoa học. Mục tiêu của học phần *Khoá luận tốt nghiệp* giúp sinh viên phát triển khả năng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực ngôn ngữ cũng như hiểu cách trình bày một đề tài nghiên cứu trong trường đại học. Bên cạnh đó, học phần này cũng củng cố và phát triển khả năng viết và nói tiếng Anh của sinh viên trong môi trường học thuật.

***56. FLA7046, Biên - Phiên dịch nâng cao (3 tín chỉ)***

Học phần Biên – Phiên dịch nâng caolà một trong hai học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp trong chương trình đào tạo hệ cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần tập trung vào thực hành nâng cao, luyện các kỹ năng chuyên sâu của công tác biên – phiên dịch theo các chủ đề phổ biến (giáo dục, văn hoá, kinh tế, xã hội, khoa học …) và một số vấn đề người phiên dịch có thể gặp trong quá trình tác nghiệp.

Học phần Biên – Phiên dịch nâng caocung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng biên phiên dịch chuyên sâu.

Về biên dịch: sinh viên được củng cố (1) kỹ năng biên dịch văn bản chuyên ngành. Nâng cao kỹ năng dịch các văn bản phức tạp thuộc các lĩnh vực như pháp luật, y tế, kinh tế, kỹ thuật...; (2) Quản lý dự án dịch thuật bao gồm kỹ năng lập kế hoạch, phân công công việc và kiểm tra chất lượng dịch thuật.

Về phiên dịch: sinh viên được củng cố các kỹ năng phiên dịch như phiên dịch nối tiếp, (Consecutive interpreting), phiên dịch song song (Simultaneous interpreting), phiên dịch đuổi (Chuchotage)

Trong học phần này, sinh viên được yêu cầu thực hành biên phiên dịch trong các tình huống thực tế: Các bài tập, mô phỏng và thực tế công việc để rèn luyện kỹ năng biên phiên dịch. Sinh viên phân tích được các bản dịch mẫu, tự chỉnh sửa và nâng cao chất lượng bản dịch của mình. Ngoài ra sinh viên có khả năng đánh giá các bản dịch và nhận phản hồi từ giảng viên và bạn học để cải thiện kỹ năng.

Các nội dung trong học phần không chỉ giúp sinh viên nắm vững lý thuyết và phương pháp dịch thuật mà còn rèn luyện kỹ năng thực hành và khả năng thích ứng trong các tình huống thực tế, chuẩn bị tốt cho công việc trong tương lai.

Mục tiêu của học phần là giúp sinh viên phát triển kỹ năng biên – phiên dịch nâng cao trong các tình huống làm việc cụ thể, đặc biệt là kỹ năng tốc kỹ, tóm tắt và thuyết trình; Kỹ năng xử lý tình huống, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình biên phiên dịch; Kỹ năng sử dụng thuần thục vốn tiếng Anh và tiếng Việt thông qua thực hành biên – phiên dịch Anh-Việt, Việt-Anh; Cải thiện khả năng giao tiếp giữa các ngôn ngữ và các nềnvăn hóa khác nhau và đặc biệt là kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác và làm việc hiệu quả trong các dự án dịch thuật nhóm.

***57. FLA7047, Lý luận và Phương pháp dạy học tiếng Anh (3 tín chỉ)***

Học phần Lý luận và Phương pháp dạy học tiếng Anh trang bị cho sinh viên các kiến thức về quản lý lớp học, thiết kế bài giảng, ứng dụng công nghệ trong giảng dạy, các phương pháp dạy học phổ biến, các vấn đề liên quan đến dạy hệ thống ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, phát âm và kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết). Trong học phần này, sinh viên được yêu cầu đọc và hoàn thành các nhiệm vụ trong bài học ở nhà; trên lớp, sinh viên sẽ tham gia các hoạt động như thảo luận theo nhóm, theo cặp, thuyết trình, vv. để nắm được các kiến thức quan trọng của bài học. Thêm vào đó, sinh viên sẽ làm việc theo nhóm, thực hành thiết kế một giáo án cụ thể và thực hiện giảng một lớp học cụ thể theo giáo án đã soạn sẵn. Nội dung của học phần bao gồm giới thiệu và so sánh giữa các phương pháp giảng dạy phổ biến, những vấn đề về lớp học đông đa trình độ, phản hồi của người dạy, quản lý lớp học, sắp xếp chỗ ngồi và tạo nhóm học tập, cách sử dụng công nghệ trong giảng dạy, thiết kế giáo án và phương pháp giảng dạy hệ thống ngôn ngữ và kỹ năng ngôn ngữ. Mục tiêu của học phần là nhằm giúp cho sinh viên biết cách thiết kế một giáo án hoàn chỉnh, thiết kế các hoạt động dạy học hiệu quả, và phát triển kỹ năng giảng dạy của bản thân.

***58. FLA7048, Kiểm tra, đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh (3 tín chỉ)***

Học phần Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy Tiếng Anh là một trong hai học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng và công cụ cần thiết để có thể đánh giá được quá trình học tập của học sinh, hiệu quả giảng dạy của mình, và mức độ thành công của chương trình một cách chính xác nhất. Học phần này cung cấp các khái niệm lý thuyết cơ bản và các vấn đề về đánh giá ngôn ngữ, cũng như năng lực trong việc tự mình xây dựng hoặc lựa chọn đúng những công cụ đánh giá sẵn có, viết báo cáo và phân tích các kết quả đánh giá. Học phần đi sâu phân tích các kỹ thuật kiểm tra, đánh giá trong dạy học Tiếng Anh như các nội dung về từ vựng, ngữ pháp và các kỹ năng ngôn ngữ, các bước cơ bản trong thiết kế một bài kiểm tra tiếng Anh phù hợp với yêu cầu của chương trình và trình độ người học.

**3.4. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **CĐR về kiến thức (KT)** | | | | | | | | | |  | **CĐR về kĩ năng (KN)** | | | | | | | | | | | | | | |  | **CĐR về phẩm chất (PC)** | | |  | **CĐR vê NL TC& TC TN** | | |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |  | 1 | 2 | 3 | 4 | 1 | 2 | |  |
| **I** |  | **Khối kiến thức chung**  *(Không tính các học phần GDTC, ANQP và kỹ năng mềm)* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | FOS7001 | Triết học Mác-Lênin | 3 | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 3 | 3 |  | 1 | |  |  |
| 2 | FOS7002 | Kinh tế chính trị Mác-Lênin | 3 | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 3 | 3 |  |  | |  |  |
| 3 | FOS7003 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 3 | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 3 | 3 |  |  | |  |  |
| 4 | FOS7004 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 3 | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 3 | 3 |  | 1 | |  |  |
| 5 | FOS7005 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam | 3 | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 3 | 3 |  | 1 | |  |  |
| 6 | FLA7005 | Tiếng Pháp 1 |  |  | 2 | **2** |  |  |  | **3** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **1** |  |  |  | **2** |  |  |  |  |  |  |  | **1** | | **1** |  |
| 7 | FLA7006 | Tiếng Pháp 2 |  |  | 2 | **2** |  |  |  | **3** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **1** |  |  |  | **2** |  |  |  |  |  |  |  | **1** | | **1** |  |
| 8 | FLA7007 | Tiếng Trung 1 |  |  | 2 | **2** |  |  |  | **3** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **1** |  |  |  | **2** |  |  |  |  |  |  |  | **1** | | **1** |  |
| 9 | FLA7008 | Tiếng Trung 2 |  |  | 2 | **2** |  |  |  | **3** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **1** |  |  |  | **2** |  |  |  |  |  |  |  | **1** | | **1** |  |
| 10 | ITC7001 | Tin học cơ sở |  | 3 | 2 |  |  |  |  |  |  | 2 |  |  |  | 3 | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | |  |  |
| **II** |  | **Khối kiến thức theo lĩnh vực** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 11 | **MAG7001** | Pháp luật đại cương | 3 | 1 | **3** |  |  |  |  |  |  | **2** |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 1 |  | **2** |  |  |  |  |  |  |  | **3** | **3** |  |  | |  |  |
| **12** | **PSE7001** | Phương pháp nghiên cứu khoa học | **3** | **1** | **3** |  |  |  |  |  |  | **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **3** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **3** | |  |  |
| **13** | **FOS7010** | Lịch sử văn minh thế giới | **2** | **3** | **3** |  |  |  | **3** |  | **1** | **2** |  |  |  | **1** |  |  |  |  |  |  | **3** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |
| **14** | **PSE7004** | Xã hội học đại cương | **2** | **1** | **3** |  |  |  |  |  |  | **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **3** |  |  |  |  |  |  | **1** | **1** |  |  |  | |  |  |
| **15** | **PSE7002** | Tâm lý học đại cương | **1** | **1** | **3** |  |  |  |  |  |  | **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **3** |  |  |  | **1** |  |  |  | **1** | **1** |  |  | |  |  |
| **III** |  | **Khối kiến thức của nhóm ngành** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **16** | **FOS7007** | Cơ sở Văn hóa Việt Nam | **3** | **1** |  |  |  |  |  |  | **1** |  |  |  |  | **1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **2** | **2** |  |  |  | |  |  |
| **17** | **FLA7009** | Ngôn ngữ học đối chiếu |  | **2** | **2** | **3** |  |  |  |  | **2** |  |  |  |  |  | **1** | **1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **1** | | **1** |  |
| **18** | **FOS7009** | Dẫn luận ngôn ngữ |  | **3** | **2** |  |  | **1** | **1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |
| **19** | **FOS7012** | Tiếng Việt thực hành |  | **3** | **1** |  |  |  | **2** |  | **2** |  |  | **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **1** |  |  |  | **1** |  |  |  |  | | **1** |  |
| **IV** |  | **Khối kiến thức ngành** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ***IV.1*** |  | ***Các học phần bắt buộc*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **20** | **FLA7010** | Ngữ âm tiếng Anh |  |  |  | **3** | **3** | **3** |  |  | **1** |  |  | **3** |  |  | **1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **3** |  |  |  |  |  | **1** | | **1** |  |
| **21** | **FLA7011** | Ngữ pháp tiếng Anh |  |  |  | **3** | **3** |  |  | **2** | **1** |  |  | **3** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |
| **22** | **FLA7012** | Nghe 1 | **1** |  |  | **3** | **3** |  |  | **3** | **1** |  |  | **3** |  |  | **2** |  |  | **1** |  | **1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | **1** |  |
| **23** | **FLA7013** | Nói 1 | **1** |  |  | **3** | **3** |  |  | **3** | **1** |  |  | **3** |  |  | **2** |  |  | **1** |  |  | **1** |  |  |  |  | **3** |  |  |  |  |  |  | | **1** |  |
| **24** | **FLA7014** | Đọc 1 | **1** |  |  | **3** | **3** |  |  | **3** | **1** |  |  | **3** |  |  | **2** |  |  | **1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | **1** |  |
| **25** | **FLA7015** | Viết 1 | **1** |  |  | **3** | **3** |  |  | **3** | **1** |  |  | **3** |  |  | **2** |  |  | **1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | **1** |  |
| **26** | **FLA7016** | Nghe 2 | **1** |  |  | **3** | **3** |  |  | **3** | **1** |  |  | **3** |  |  | **2** |  |  | **1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | **1** |  |
| **27** | **FLA7017** | Nói 2 | **1** |  |  | **3** | **3** |  |  | **3** | **1** |  |  | **3** |  |  | **2** |  |  | **1** |  |  | **1** |  |  |  |  | **3** |  |  |  |  |  |  | | **1** |  |
| **28** | **FLA7018** | Đọc 2 | **1** |  |  | **3** | **3** |  |  | **3** | **1** |  |  | **3** |  |  | **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | **1** |  |
| **29** | **FLA7019** | Viết 2 | **1** |  |  | **3** | **3** |  |  | **3** | **1** |  |  | **3** |  |  | **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | **1** |  |
| **30** | **FLA7020** | Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao |  |  |  | **3** | **3** |  |  | **3** | **1** |  |  | **3** |  |  | **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | **1** |  |
| **31** | **FLA7022** | Nghe 3 | **1** |  |  | **3** | **3** |  |  | **3** | **1** |  |  | **3** |  |  | **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | **1** |  |
| **32** | **FLA7023** | Nói 3 | **1** |  |  | **3** | **3** |  |  | **3** | **1** |  |  | **3** |  |  | **2** |  |  |  |  |  | **1** |  |  |  |  | **3** |  |  |  |  |  |  | | **1** |  |
| **33** | **FLA7024** | Đọc 3 | **1** |  |  | **3** | **3** |  |  | **3** | **1** |  |  | **3** |  |  | **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | **1** |  |
| **34** | **FLA7025** | Viết 3 | **1** |  |  | **3** | **3** |  |  | **3** | **1** |  |  | **3** |  |  | **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | **1** |  |
| **35** | **FLA7026** | Từ vựng học | **1** |  |  | **3** | **3** | **3** |  | **3** | **2** |  |  | **3** |  |  | **1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **3** |  |  |  |  |  | **1** | | **1** |  |
| **36** | **FLA7027** | Lý thuyết dịch | **1** |  |  | **3** | **3** |  |  | **3** | **1** |  |  | **3** |  |  |  | **3** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |
| **37** | **FLA7028** | Biên dịch 1 | **1** |  |  | **3** | **3** | **2** |  |  |  |  |  | **3** |  | **1** |  | **3** |  |  |  |  | **1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |
| **38** | **FLA7029** | Phiên dịch 1 | **1** |  |  | **3** | **3** | **2** |  |  |  |  |  | **3** |  | **1** |  | **3** |  |  |  |  | **1** |  |  | **2** |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |
| **39** | **FLA7030** | Nghe 4 | **1** |  |  | **3** | **3** |  |  | **3** | **1** |  |  | **3** |  |  | **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | **1** |  |
| **40** | **FLA7031** | Nói 4 | **1** |  |  | **3** | **3** |  |  | **3** | **1** |  |  | **3** |  |  | **2** |  |  |  |  |  | **1** |  |  |  |  | **3** |  |  |  |  |  |  | | **1** |  |
| **41** | **FLA7032** | Đọc 4 | **1** |  |  | **3** | **3** |  |  | **3** | **1** |  |  | **3** |  |  | **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | **1** |  |
| **42** | **FLA7033** | Viết 4 | **1** |  |  | **3** | **3** |  |  | **3** | **1** |  |  | **3** |  |  | **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | **1** |  |
| **43** | **FLA7034** | Biên dịch 2 | **1** |  |  | **3** | **3** | **2** |  |  |  |  |  | **3** |  | **1** |  | **3** |  |  |  |  | **1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |
| **44** | **FLA7035** | Phiên dịch 2 | **1** |  |  | **3** | **3** | **2** |  |  |  |  |  | **3** |  | **1** |  | **3** |  |  |  |  | **1** |  |  | **2** |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |
| **45** | **FLA7036** | Đất nước học Anh - Mỹ | **3** |  |  | **3** | **3** |  | **3** | **1** | **1** |  |  | **3** | **2** | **1** | **1** | **1** |  |  |  | **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **1** | | **1** |  |
| ***IV.2*** |  | ***Các học phần tự chọn*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **46** | **FLA7037** | Viết học thuật | **1** |  |  | **2** | **2** |  |  | **3** | **1** |  |  | **1** |  |  | **2** | **3** |  |  |  | **1** |  |  |  |  |  |  |  |  | **1** |  |  |  | | **1** |  |
| **47** | **FLA7038** | Ngữ nghĩa học | **1** |  |  |  | **3** | **3** |  |  | **2** |  |  | **2** |  |  | **2** | **2** |  | **3** |  | **1** |  |  |  | **2** |  | **2** |  |  | **1** |  |  | **1** | |  |  |
| **48** | **FLA7039** | Cú pháp học | **1** |  |  |  | **3** | **3** |  |  | **2** |  |  | **2** |  |  | **2** | **2** |  | **3** |  | **1** |  |  |  | **2** |  | **2** |  |  | **1** |  |  | **1** | |  |  |
| **49** | **FLA7040** | Ngữ dụng học | **1** |  |  |  | **3** | **3** |  |  | **2** |  |  | **2** |  |  | **2** | **2** |  | **3** |  | **1** |  |  |  | **2** |  | **2** |  |  | **1** |  |  | **1** | |  |  |
| **50** | **FLA7041** | Ứng dụng CNTT trong dạy và học ngoại ngữ |  | **3** |  |  |  |  |  | **2** |  |  |  |  | **3** | **2** |  | **2** |  |  |  | **1** |  | **1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |
| **51** | **FLA7042** | Diễn thuyết trước công chúng | **2** |  |  | **3** | **1** |  |  | **1** | **1** |  |  | **2** |  | **1** | **3** |  | **2** |  | **1** |  |  | **2** | **1** | **3** |  | **3** |  |  |  |  |  |  | | **1** |  |
| **52** | **FLA7043** | Giao tiếp liên văn hoá | **2** |  | **2** | **3** | **3** | **2** | **3** |  |  |  |  |  |  |  |  | **2** |  | **2** |  | **2** |  | **2** |  |  |  | **2** |  |  |  |  |  |  | | **1** |  |
| **53** | **FLA7044** | Học tập theo dự án |  | **3** |  |  | **3** |  |  | **3** |  |  |  |  |  |  |  |  | **2** | **2** |  |  | **3** |  | **3** |  |  | **2** |  |  |  |  |  | **1** | | **1** |  |
| ***IV.3*** |  | ***Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **54** | **FLA7021** | Thực tập | **2** |  |  | **2** | **3** |  |  | **1** | **1** | **3** |  |  |  | **3** |  | **3** | **2** |  | **2** | **2** | **1** | **1** |  |  | **1** |  |  | **1** | **2** | **2** |  | **1** | | **1** |  |
| **55** | **FLA7045** | Khóa luận tốt nghiệp | **1** | **1** |  |  |  |  |  | **3** | **2** | **3** |  |  |  | **3** |  | **3** | **2** |  | **2** | **2** | **1** | **1** |  |  | **1** |  |  | **1** |  | **2** |  | **1** | | **1** |  |
|  |  | ***Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **56** | **FLA7046** | Biên – Phiên dịch nâng cao |  |  |  | **3** | **3** | **3** |  | **2** | **1** | **2** |  | **2** | **2** |  |  | **3** |  |  |  | **2** | **1** | **1** |  | **2** |  |  |  |  |  | **1** |  |  | | **1** |  |
| **57** | **FLA7047** | Phương pháp GD tiếng Anh |  |  |  | **3** | **3** |  |  | **2** | **1** |  |  |  |  | **2** | **2** | **3** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **1** | **2** | **1** |  |  | | **1** |  |
| **58** | **FLA7048** | Kiểm tra, đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh |  |  |  | **3** | **3** | **2** |  | **2** | **2** | **3** |  | **2** | **2** |  |  | **3** |  |  |  | **2** | **1** | **1** |  | **2** |  |  |  |  |  | **1** |  |  | | **1** |  |

**Ghi chú:** Mức độ đóng góp của các học phần với chuẩn đầu ra được qui ước như sau:

1 = đóng góp mức thấp

2 = đóng góp mức trung bình

3 = đóng góp mức cao

Để trống = không đóng góp.

**3.5. Tiến trình tổ chức đào tạo**

| **Số**  **TT** | **Mã học phần** | **Học phần** | **Số TC** | **Tiến trình thực hiện theo học kỳ** | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kỳ 1** | **Kỳ 2** | **Kỳ 3** | **Kỳ 4** | **Kỳ 5** | **Kỳ 6** | **Kỳ 7** | **Kỳ 8** |
| **I** | **Khối kiến thức chung**  *(không kể GDTC và GDQP-AN)* | | **20** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | FOS7001 | Triết học Mác-Lênin  *Marxism – Leninism Philosophy* | 3 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | FOS7002 | Kinh tế chính trị Mác-Lênin  *Marxism-Leninism Politic Economy* | 2 |  | 2 |  |  |  |  |  |  |
| 3 | FOS7003 | Chủ nghĩa xã hội khoa học  *Scientific Socialism* | 2 |  |  | 2 |  |  |  |  |  |
| 4 | FOS7004 | Tư tưởng Hồ Chí Minh  *Ho Chi Minh Ideology* | 2 |  |  |  | 2 |  |  |  |  |
| 5 | FOS7005 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam  *History of the Communist Party of Vietnam* | 2 |  |  |  |  | 2 |  |  |  |
|  |  | Ngoại ngữ cơ bản  *Foreign language*  *(chọn tiếng Pháp hoặc tiếng Trung)* | 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *6* | FLA7005 | Tiếng Pháp 1 | 3 |  |  |  |  | *3* |  |  |  |
| *7* | FLA7006 | Tiếng Pháp 2 | 3 |  |  |  |  |  | 3 |  |  |
| *8* | FLA7007 | Tiếng Trung 1 | 3 |  |  |  |  | *3* |  |  |  |
| *9* | FLA7008 | Tiếng Trung 2 | 3 |  |  |  |  |  | 3 |  |  |
| 10 | ITC7001 | Tin học cơ sở  *Basic Informatics* | 3 |  |  | 3 |  |  |  |  |  |
| 11 | FOS7006 | Giáo dục thể chất  *Physical Education* | 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 12 |  | Giáo dục Quốc phòng và An ninh  *National Defence Education* | 8 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Khối kiến thức theo lĩnh vực** | | **9** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *II.1* | *Các học phần bắt buộc* | | 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 13 | MAG7001 | Pháp luật đại cương  *Introduction to Law study* | 3 |  | ***3*** |  |  |  |  |  |  |
| 14 | PSE7001 | Phương pháp nghiên cứu khoa học  *Scientific Methodology* | 3 |  |  |  |  |  | ***3*** |  |  |
| *II.2* | *Các học phần tự chọn (3/9 TC)*  *(Chọn 1 học phần tương đương 3 tín chỉ)* | | ***3*** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 15 | FOS7010 | Lịch sử văn minh thế giới  *History of the World Civilization* | 3 |  |  |  | *3* |  |  |  |  |
| 16 | PSE7004 | Xã hội học đại cương  *Introduction to Sociology* | 3 |  |  |  | *3* |  |  |  |  |
| 17 | PSE7002 | Tâm lý học đại cương  *Introduction to Psychology* | 3 |  |  |  | *3* |  |  |  |  |
| **III** | **Khối kiến thức của nhóm ngành** | | **9** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *III.1* | *Các học phần bắt buộc* | | *6* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 18 | FOS7007 | Cơ sở văn hóa Việt Nam  *Vietnam Culture Foundation* | 3 |  |  |  | *3* |  |  |  |  |
| 19 | FLA7009 | Ngôn ngữ học đối chiếu  *Comparative Linguistics* | 3 |  |  |  |  |  | *3* |  |  |
| *III.2* | *Các học phần tự chọn (3/6TC)* | | *3* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 20 | FOS7009 | Dẫn luận ngôn ngữ  *Linguistic Introduction* | 3 |  |  | 3 |  |  |  |  |  |
| 21 | FOS7012 | Tiếng Việt thực hành  *Vietnamese Language Practice* | 3 |  |  | 3 |  |  |  |  |  |
| **IV** | **Khối kiến thức ngành** | | **90** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *IV.1* | *Các học phần bắt buộc* | | **78** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 22 | FLA7010 | Ngữ âm tiếng Anh  *Phonetics* | 3 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| 23 | FLA7011 | Ngữ pháp tiếng Anh  *English Grammar* | 3 |  | 3 |  |  |  |  |  |  |
| 24 | FLA7012 | Nghe 1  *Listening 1* | 3 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| 25 | FLA7013 | Nói 1  *Speaking 1* | 3 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| 26 | FLA7014 | Đọc 1  *Reading 1* | 3 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| 27 | FLA7015 | Viết 1  *Writing 1* | 3 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| 28 | FLA7016 | Nghe 2  *Listening 2* | 3 |  | 3 |  |  |  |  |  |  |
| 29 | FLA7017 | Nói 2  *Speaking 2* | 3 |  | 3 |  |  |  |  |  |  |
| 30 | FLA7018 | Đọc 2  *Reading 2* | 3 |  | 3 |  |  |  |  |  |  |
| 31 | FLA7019 | Viết 2  *Writing 2* | 3 |  | 3 |  |  |  |  |  |  |
| 32 | FLA7020 | Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao  *Advanced English Grammar* | 3 |  |  |  | 3 |  |  |  |  |
| 33 | FLA7022 | Nghe 3  *Listening 3* | 3 |  |  | 3 |  |  |  |  |  |
| 34 | FLA7023 | Nói 3  *Speaking 3* | 3 |  |  | 3 |  |  |  |  |  |
| 35 | FLA7024 | Đọc 3  *Reading 3* | 3 |  |  | 3 |  |  |  |  |  |
| 36 | FLA7025 | Viết 3  Writing 3 | 3 |  |  | 3 |  |  |  |  |  |
| 37 | FLA7026 | Từ vựng học  *Lexicology* | 3 |  |  |  | 3 |  |  |  |  |
| 38 | FLA7027 | Lý thuyết dịch  *Translation & Interpretation Theory* | 3 |  |  |  |  | 3 |  |  |  |
| 39 | FLA7028 | Biên dịch 1  *Translation 1* | 3 |  |  |  |  |  | 3 |  |  |
| 40 | FLA7029 | Phiên dịch 1  *Interpretation 1* | 3 |  |  |  |  |  | 3 |  |  |
| 41 | FLA7030 | Nghe 4  *Listening 4* | 3 |  |  |  |  | 3 |  |  |  |
| 42 | FLA7031 | Nói 4  *Speaking 4* | 3 |  |  |  |  | 3 |  |  |  |
| 43 | FLA7032 | Đọc 4  Reading 4 | 3 |  |  |  |  | 3 |  |  |  |
| 44 | FLA7033 | Viết 4  *Writing 4* | 3 |  |  |  |  | 3 |  |  |  |
| 45 | FLA7034 | Biên dịch 2  *Translation 2* | 3 |  |  |  |  |  |  | 3 |  |
| 46 | FLA7035 | Phiên dịch 2  *Interpretation 2* | 3 |  |  |  |  |  |  | 3 |  |
| 47 | FLA7036 | Đất nước học Anh - Mỹ *Introduction to British and American Studies* | 3 |  |  |  |  |  |  | 3 |  |
| *IV.2* | *Các học phần tự chọn (12/21 TC)*  *(Chọn 4 học phần tương ứng với 12tín chỉ)* | | **12** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 48 | FLA7037 | Viết học thuật  *Academic Writing* | 3 |  |  |  |  |  |  | 3 |  |
| 49 | FLA7038 | Ngữ nghĩa học  *Semantics* | 3 |  |  |  |  |  | 3 |  |  |
| 50 | FLA7039 | Cú pháp học  *Syntax* | 3 |  |  |  | 3 |  |  |  |  |
| 51 | FLA7040 | Ngữ dụng học  *Pragmatics* | 3 |  |  |  | 3 |  |  |  |  |
| 52 | FLA7041 | Ứng dụng CNTT trong dạy và học ngoại ngữ  *Application of ICT in Teaching and Learning Foreign Languages* | 3 |  |  |  |  |  |  | 3 |  |
| 53 | FLA7042 | Diễn thuyết trước công chúng  *Public Speaking* | 3 |  |  |  |  |  |  | 3 |  |
| 54 | FLA7043 | Giao tiếp liên văn hoá  *Cross-cultural Communication* | 3 |  |  |  |  |  |  | 3 |  |
| 55 | FLA7044 | Học tập theo dự án  Project-based Learning | 3 |  |  |  |  |  |  | 3 |  |
| **V** | **Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp** | | **10** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *V.1* | FLA7021 | Thực tập  *Internship* | 4 |  |  |  |  |  |  |  | 4 |
| *V.2* | *Kiến thức tốt nghiệp* | | 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 56 | FLA7045 | Khóa luận tốt nghiệp  *Graduation Thesis* | 6 |  |  |  |  |  |  |  | 6 |
| *V.3* | *Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp* | | 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *Học phần bắt buộc* | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 57 | FLA7046 | Biên - Phiên dịch nâng cao  *Advanced Translation - Interpretation* | 3 |  |  |  |  |  |  |  | 3 |
|  | *Học phần tự chọn (Chọn 3/6 tín chỉ)* | | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 58 | FLA7047 | Lý luận và Phương pháp dạy học tiếng Anh  *English Teaching Methods* | 3 |  |  |  |  |  |  |  | 3 |
| 59 | FLA7048 | Kiểm tra, đánh giá trong dạy học tiếng Anh  *Assessment in Teaching and Learning English* | 3 |  |  |  |  |  |  |  | 3 |
| **Tổng số** | | | **138** | **18** | **20** | **20** | **17** | **20** | **18** | **15** | **10** |